



**BỘ TƯ PHÁP
VIỆT NAM**



LIÊN MINH CHÂU ÂU



**CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN
VỀ KỸ NĂNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI
KHUYẾT TẬT**
(Tài liệu dành cho người thực hiện trợ giúp pháp lý)



Nhóm chuyên gia dự án

Tài liệu này là sản phẩm thuộc chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE)” do Liên minh Châu Âu tài trợ, với đóng góp tài chính từ UNDP và UNICEF. Chương trình do hai cơ quan này của Liên Hiệp Quốc phối hợp với Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện.

NHÓM CHUYÊN GIA

1. Ths. Luật sư Nguyễn Ngọc Lan - Đoàn Luật sư Hà Nội, Trưởng nhóm - Chuyên gia của UNDP
2. Giảng viên Ngô Thị Ngọc Vân – Giảng viên Học viện tư pháp - Chuyên gia của UNDP
3. Giáo sư Ajay Kumar Pandey, Trường Luật Toàn cầu Jindal, Ấn độ – Chuyên gia quốc tế của UNDP

HỖ TRỢ CHUYÊN MÔN: CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. CN. Phan Văn Tuân - Phó trưởng phòng, Phòng Tài chính và quản lý chất lượng, Cục Trợ giúp pháp lý.
2. Th.s. Lê Thị Thanh Hà - Chuyên viên, Phòng Tài chính và quản lý chất lượng, Cục Trợ giúp pháp lý



**BỘ TƯ PHÁP
VIỆT NAM**



LIÊN MINH CHÂU ÂU



**CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN
VỀ KỸ NĂNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO
NGƯỜI KHUYẾT TẬT**
(Tài liệu dành cho người thực hiện trợ giúp pháp lý)



Hà Nội - 2020

MỤC LỤC

	Trang
Giới thiệu	5
Phần 1: Những vấn đề chung	6
Mục 1: Những vấn đề chung về người khuyết tật	7
1. Thực trạng về NKT ở VN- phân biệt đối xử và quyền của NKT	8
2. Những rào cản trong tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với NKT	10
Mục 2: Những quy định của quốc tế - quốc gia về quyền của NKT	14
1. Các quy định của Luật pháp quốc tế	14
2. Những quy định của pháp luật Việt Nam về người khuyết tật	21
Phần 2: Trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật	24
Mục 3: Hệ thống và các cơ quan bảo vệ quyền của NKT	25
1. Các cơ quan, tổ chức bảo vệ quyền của người khuyết tật	25
2. Một số các dịch vụ khác bảo vệ quyền của NKT	29
3. Những nguyên tắc cơ bản trong trợ giúp pháp lý cho NKT	30
4. Các quy định về trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính	33
Mục 4: Nguyên tắc và kỹ năng làm việc thân thiện với người khuyết tật	37
I. Yêu cầu cơ bản khi thực hiện TGPL cho người khuyết tật	37
II. Kỹ năng làm việc thân thiện với người khuyết tật	39
1. Kỹ năng mềm	
1.1. Kỹ năng giao tiếp	39
1.2. Kỹ năng lắng nghe	44
1.3. Kỹ năng đặt câu hỏi	45
1.4. Kỹ năng khuyến khích, động viên	47
2. Một số kỹ thuật/chuyên môn	47
2.1. Kỹ năng tư vấn pháp luật	49
2.2. Kỹ năng tham gia tổ tụng hình sự	55
2.3. Kỹ năng tham gia tổ tụng dân sự	58
Mục 5: Những lưu ý khi thực hiện TGPL cho NKT	63
1. Vai trò - trách nhiệm của trợ giúp viên pháp lý trong việc trợ giúp pháp lý cho NKT	63
2. Những điều nên làm - không nên làm	65

Người khuyết tật (NKT) là một bộ phận không thể tách rời của xã hội. NKT cũng có những nhu cầu và quyền lợi giống như những người không khuyết tật, được thể hiện ở các quyền thuộc lĩnh vực dân sự chính trị, quyền kinh tế, văn hoá, xã hội, cụ thể như: Quyền sống; quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng; quyền tự do và an toàn cá nhân; quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư; quyền tự do đi lại, tự do lựa chọn quốc tịch và nơi sinh sống; quyền tự do biểu đạt, chính kiến và tiếp cận thông tin; quyền kết hôn và lập gia đình; quyền được giáo dục; quyền được chăm sóc sức khoẻ; quyền bình đẳng về lao động và việc làm; quyền tham gia các hoạt động văn hoá vui chơi giải trí, thể thao; quyền được hỗ trợ để phục hồi chức năng; quyền được hoà nhập và hỗ trợ để hoà nhập vào cộng đồng.... Những quyền này được thể hiện rõ trong Luật người khuyết tật năm 2010, Công ước Quốc tế về Quyền của Người Khuyết tật đã được Việt Nam phê chuẩn tham gia năm 2014.

Để góp phần nâng cao kiến thức cơ bản về quyền của người khuyết tật và kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý (TGPL) trong những vụ việc liên quan đến người khuyết tật cho người thực hiện TGPL. Tài liệu này được xây dựng với mong muốn hỗ trợ thêm cho những người thực hiện TGPL, người làm công tác TGPL và những người quan tâm tới lĩnh vực này một số kiến thức cơ bản về khuyết tật, quyền của người khuyết tật và kỹ năng thực hiện TGPL cho người khuyết tật có khó khăn về kinh tế - đối tượng được hưởng TGPL miễn phí theo Luật TGPL.

Trong khuôn khổ chương trình tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE), Cục trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức soạn thảo tài liệu tập huấn “Kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính”, nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, hướng dẫn, hỗ trợ tập huấn viên sử dụng Tài liệu và tiến hành tập huấn một cách khoa học, hiệu quả.

Do thời gian hạn chế nên tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm tác giả mong muốn nhận được những ý kiến góp ý của độc giả để tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư Pháp.

PHẦN 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Mục 1: Những vấn đề chung về khuyết tật

Mục 2: Các quy định của quốc tế và Việt Nam về quyền của Người khuyết tật

MỤC 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

* Mục tiêu:

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật, các nguyên tắc cơ bản trong trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính, các rào cản mà người khuyết tật gặp phải trong việc tiếp cận trợ giúp pháp lý, các quy định của trợ giúp pháp lý.

1. Thực trạng về NKT ở Việt Nam – phân biệt đối xử và quyền của NKT



Người khuyết tật là người có một hoặc nhiều khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần mà vì thế gây ra suy giảm đáng kể và lâu dài đến khả năng thực hiện các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày. Theo Đạo luật chống phân biệt đối xử với người khuyết tật do Quốc hội Anh ban hành, thì khiếm khuyết kéo dài ít hơn 12

tháng bình thường không được coi là khuyết tật, trừ khi là bị tái đi tái lại. Còn Đạo luật về người khuyết tật của Hoa Kỳ năm 1990 (ADA), thì khẳng định người khuyết tật là người có sự suy yếu về thể chất hay tinh thần gây ảnh hưởng đáng kể đến một hay nhiều hoạt động quan trọng trong cuộc sống. Theo phân loại của Tổ chức Y tế thế giới, có 3 mức độ suy giảm là khiếm khuyết, khuyết tật và tàn tật. Khiếm khuyết chỉ đến sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý/ sinh lý. Khuyết tật chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết. Còn tàn tật là đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ. Còn theo quan điểm của Tổ chức quốc tế người khuyết tật, người khuyết tật trở thành người tàn tật là do thiếu cơ hội để tham gia các hoạt động xã hội và có một cuộc sống như thành viên khác¹.

¹ Nguồn: Luận văn Thạc sỹ Nguyễn Thị Bày, chuyên ngành Pháp luật về quyền con người, Khoa Luật ĐHQG HN năm 2013

Điều 1 Công ước về quyền của người khuyết tật, thì người khuyết tật (NKT) bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác. Như vậy, có thể thấy các khái niệm định nghĩa về NKT phần nhiều đều đề cập tới khả năng tham gia vào xã hội một cách trọn vẹn, sự khuyết tật không phải là chỉ sự thiếu hụt về mặt thể chất, mà còn là sự thiếu hụt trong cơ hội để hoà nhập vào xã hội. Luật người khuyết tật Việt Nam năm 2010 đưa ra khái niệm về NKT, cụ thể như sau: người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn².

1.1. Thực trạng về NKT ở Việt Nam

Theo kết quả điều tra quốc gia về người khuyết tật Việt Nam do Tổng cục Thống kê tiến hành thì Việt Nam có khoảng 6,2 triệu người khuyết tật, chiếm 7,06% dân số từ 2 tuổi trở lên, trong đó có 58% là nữ; 28,3% là trẻ em; gần 29% là NKT nặng và đặc biệt nặng. Tính đến cuối năm 2019 đã có gần 3 triệu NKT được cấp giấy chứng nhận khuyết tật. Tỷ lệ khuyết tật có xu hướng tăng lên theo tuổi, tỷ lệ của nữ cao hơn nam. Trong 6 vùng kinh tế - xã hội, vùng có tỷ lệ khuyết tật cao nhất là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, thấp nhất là vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Tỷ lệ khuyết tật khu vực nông thôn cao hơn gần 1,5 lần khu vực thành thị. Trong tổng số người khuyết tật có nhiều người bị đa khuyết tật. Dạng tật chiếm số lượng cao nhất là khuyết tật vận động thân dưới (3.566.854 người); tiếp đó là khuyết tật nhận thức (2.622.578 người); khuyết tật vận động thân trên (2.158.988 người); khuyết tật thần kinh, tâm thần là 1.097.629 người và 836.247 người bị khuyết tật về giao tiếp. Theo báo cáo của Bộ Lao động thương binh và xã hội thì NKT gặp khó khăn trong nhiều mặt của cuộc sống, như học tập, việc làm, tiếp cận các dịch vụ công...hay thậm chí còn bị kỳ thị. Những khó khăn này tác động qua lại lẫn nhau tạo thành vòng luẩn quẩn, khiến NKT thêm một lần khuyết tật nữa.

NHỮNG HIỂU LÀM VỀ NKT	
HIỂU LÀM	THỰC TẾ
NKT không có quyền làm việc và cơ hội công bằng trong công việc như những người khác.	Mọi công dân sinh ra đều có quyền và cơ hội làm việc bình đẳng.
NKT không thể và không cần làm việc	NKT cũng giống như những người không khuyết tật; dù bị khiếm khuyết một phần

² Khoản 1 Điều 2 Luật người khuyết tật Việt Nam, 2010

mà cần nhà nước phải nuôi; dù cho có sự hỗ trợ nhưng NKT vẫn không đủ khả năng.	nào đó của cơ thể nhưng những bộ phận khác vẫn còn hoạt động, do vậy vẫn có thể làm việc như những người khác.
Cuộc sống của NKT hoàn toàn khác với cuộc sống của người không khuyết tật.	NKT cũng có cuộc sống, gia đình, công việc, tư duy, thái độ ... giống người không khuyết tật.

1.2. Mức độ khuyết tật

Người khuyết tật được phân định thành các mức độ khuyết tật khác nhau (theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật người khuyết tật Việt Nam), theo đó:

Người khuyết tật đặc biệt nặng: Là người khuyết tật dẫn tới mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và các việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, giúp đỡ, chăm sóc hoàn toàn.

Người khuyết tật nặng: Là người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số các hoạt động như đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, chăm sóc, giúp đỡ.

Người khuyết tật nhẹ: Là những người không thuộc hai trường hợp nói trên.

1.3. Phân biệt đối xử với NKT và quyền của NKT

Phân biệt đối xử với NKT là hành vi xa lánh, từ chối, ngược đãi, phỉ báng, có thành kiến hoặc hạn chế quyền của NKT vì lí do khuyết tật của người đó³

Có một số dạng phân biệt đối xử với người khuyết tật, như :

- *Phân biệt đối xử trực tiếp:* Đối xử tệ hơn so với người khác khi ở trong cùng một bối cảnh. Ví dụ như trong một cuộc phỏng vấn xin việc, người xin việc là NKT, nên người sử dụng lao động quyết định không nhận NKT vào làm việc, mặc dù đây là ứng viên sáng giá nhất.
- *Phân biệt đối xử gián tiếp:* Xảy ra khi cá nhân, tổ chức khác có những chính sách hoặc cách hành xử cụ thể có tác động xấu hơn đến người khuyết tật so với người không bị khuyết tật. (Ví dụ như trong thông báo tuyển dụng cho vị trí trực điện thoại, nhà tuyển dụng yêu cầu ứng viên phải có thân hình đẹp, cân đối, xinh... Điều này sẽ khiến NKT gặp bất lợi (Người ngồi xe lăn, người có thể trạng thấp bé...).

³ Khoản 3 Điều 2 Luật NKT Việt Nam, 2010

- **Phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật:** là mọi sự phân biệt, loại trừ hoặc hạn chế trên cơ sở sự khuyết tật có mục đích hoặc ảnh hưởng gây tổn hại hoặc vô hiệu hoá sự công nhận, thụ hưởng hoặc thực hiện các quyền và tự do cơ bản của con người trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự hoặc bất kỳ lĩnh vực nào khác. Nó bao gồm mọi hình thức phân biệt đối xử, trong đó có cả sự từ chối tạo điều kiện hợp lý⁴.
- **Quấy rối:** Có những hành vi khiến bạn cảm thấy nhục nhã, bị xúc phạm (ví dụ như gọi tên có gắn kèm với dạng tật của bạn).

Tạo điều kiện hợp lý: có nghĩa là sự thay đổi hoặc chỉnh sửa không gây ra gánh nặng không tương xứng hoặc quá đáng, khi điều đó là cần thiết trong một trường hợp cụ thể, để bảo đảm cho NKT hưởng hoặc thực hiện các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Người khuyết tật trong bất cứ xã hội nào cũng có, bất kỳ quốc gia nào cũng có. NKT là một bộ phận không thể tách rời của xã hội. NKT cũng có những nhu cầu và quyền lợi giống như những người không khuyết tật, được thể hiện ở các quyền thuộc lĩnh vực dân sự chính trị, quyền kinh tế, văn hoá, xã hội, cụ thể như: Quyền sống; quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng; quyền tự do và an toàn cá nhân; quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư; quyền tự do đi lại, tự do lựa chọn quốc tịch và nơi sinh sống; quyền tự do biểu đạt, chính kiến và tiếp cận thông tin; quyền kết hôn và lập gia đình; quyền được giáo dục; quyền được chăm sóc sức khoẻ; quyền bình đẳng về lao động và việc làm; quyền tham gia vào đời sống chính trị, công cộng; quyền tham gia các hoạt động văn hoá vui chơi giải trí, thể thao; quyền được hỗ trợ để phục hồi chức năng; quyền được hoà nhập và hỗ trợ để hoà nhập vào cộng đồng; quyền được hỗ trợ trong việc đi lại⁵.

2. Những rào cản trong tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với NKT

2.1. Những vướng mắc pháp luật của NKT

Như đã đề cập ở trên, người khuyết tật thuộc nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương, với những hạn chế nhất định như: Không có nhiều cơ hội tiếp cận với các dịch vụ công như giáo dục, y tế, hay dịch vụ trợ giúp pháp lý, bởi một phần do đại đa số người khuyết tật sống trong những hoàn cảnh éo le, thậm chí là thuộc hộ nghèo/ cận nghèo, ít va vấp với xã hội... nên cũng không có nhiều cơ hội tiếp cận với dịch vụ trợ giúp pháp lý. Thêm vào nữa, nói tới trợ giúp pháp lý là người khuyết tật cho rằng phải liên quan tới tội phạm, như tội giết

⁴ Điều 2 Công ước CRPD

⁵ Cuốn Từ loại trừ tới Bình đẳng thực hiện quyền của người khuyết tật, trang 15

người, trộm cắp tài sản... thì mới cần tới trợ giúp pháp lý. Thực tế cho thấy, NKT có rất nhiều những vướng mắc liên quan tới pháp luật không khác gì những vướng mắc của những người không khuyết tật, cụ thể như:

- Thủ tục xác định mức độ khuyết tật; thủ tục nhận trợ cấp xã hội; mức trợ cấp.
- Vay vốn để tự giải quyết việc làm cho bản thân/ hộ gia đình người khuyết tật.
- Quyền hưởng di sản thừa kế.
- Làm mẹ đơn thân – khai sinh cho con.
- Học nghề và việc làm cho NKT.
- Quyền của NKT khi tham gia giao thông công cộng; Quyền tiếp cận với các công trình công cộng.
- ...

Có thể thấy các vướng mắc chủ yếu mà NKT thường hay gặp phải là những chính sách liên quan chặt chẽ tới quyền của NKT với những vướng mắc mang tính hành chính, thủ tục. Thời gian gần đây, khi Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020, NKT có những cơ hội tiếp cận với công nghệ 4.0, cơ hội giao lưu được nâng cao, đây là điều rất tốt để NKT hoà nhập với cộng đồng, xoá bỏ dần rào cản với NKT. Việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo này hiện tại cũng khiến NKT vướng vào những vướng mắc khác, phức tạp hơn về pháp luật như: NKT bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc bán hàng online, bán hàng đa cấp, hay bị lừa đảo qua mạng internet. Có rất nhiều trường hợp, NKT bị mất hết tài sản/ tiền của mình khi tham gia vào các loại hình kinh doanh kể trên nhưng không biết/ không thể lấy lại được tài sản do các giao dịch chủ yếu thông qua Internet.

2.2. Một số nhu cầu trợ giúp pháp lý của NKT

Vai trò và vị thế của NKT ngày càng được khẳng định rõ ràng hơn, cùng với sự chủ động tham gia vào các hoạt động của xã hội của chính bản thân người khuyết tật, khoảng cách giữa NKT và người không khuyết tật đang được thu hẹp lại. Như vậy, các nhu cầu của NKT trong cuộc sống cũng rõ nét và phong phú hơn. Các nhu cầu về trợ giúp pháp lý của NKT cũng trải rộng hơn so với trước đây, cụ thể:

- *Giải đáp thắc mắc về thủ tục hành chính của những lĩnh vực như: Xác định mức độ khuyết tật, thủ tục nhận trợ cấp xã hội; thủ tục khai sinh cho con; đăng ký hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân; thủ tục vay vốn ưu đãi của ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn; phân chia tài sản, di sản thừa kế*

- *Tư vấn pháp luật chuyên sâu về một số mảng như:* Tranh chấp đất đai, Hôn nhân và gia đình (bị chồng/ vợ là người không khuyết tật ly hôn và không cho nuôi con), Lao động và việc làm; lĩnh vực dân sự khác (vay nợ, là nạn nhân của lừa đảo chiếm đoạt tài sản...).
- *Đại diện tố tụng:* Đối với một số vụ án liên quan tới hiếp dâm, xâm hại tình dục mà bản thân NKT là nạn nhân.

2.3. Những rào cản khiến NKT có khó khăn về tài chính gặp khó khăn khi tiếp cận trợ giúp pháp lý

Theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 thì NKT **có khó khăn về tài chính** là đối tượng được thụ hưởng chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước, họ được tư vấn, hỗ trợ trong nhận thức pháp luật, giải quyết các khiếu nại hay tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều 2 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 có quy định “Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật”. Điểm d Khoản 7 Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định “Người khuyết tật có khó khăn về tài chính” là người được trợ giúp pháp lý. Việc đảm bảo quyền này được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Về hình thức trợ giúp pháp lý, Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý quy định hình thức gồm có: Tư vấn pháp luật, Tham gia tố tụng, Đại diện ngoài tố tụng.

Để triển khai và thực thi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng và đào tạo bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý. Bên cạnh đó Đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012 – 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thực hiện trước đó đã tạo điều kiện hỗ trợ NKT phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân, tạo điều kiện để NKT vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội. Đề án đã xác định tới năm 2020, 100% NKT sẽ được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

Trên thực tế, NKT gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ TGPL vì:

Thứ nhất, Bản thân NKT chưa nhận thức được quyền của mình, cứ nhắc tới trợ giúp pháp lý là NKT lại cho rằng đó phải là những gì liên quan tới hình sự, tới cướp, giết, hiếp⁶... mà đó thì dường như không quen thuộc với bản thân NKT. Do công tác truyền thông chưa phù hợp và rõ ràng nên NKT dường như không tiếp cận được với dịch vụ này.

⁶ Theo khảo sát của cá nhân chuyên gia trong quãng thời gian từ năm 2011 – 2020 trong các chuyến Tư vấn pháp luật lưu động cho người khuyết tật tại Hà Nội, Hà Nam, Nghệ An, Huế, Quảng Bình, Quảng Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng tàu

Thứ hai, Công tác thu thập thông tin liên quan tới nội dung vụ việc cần trợ giúp pháp lý cho NKT còn gặp nhiều khó khăn, bởi vì NKT có nhiều dạng tật khác nhau, phức tạp (khuyết tật nghe, khuyết tật nói...), dẫn tới khó giao tiếp, thậm chí đôi khi các thông tin mà NKT cung cấp cũng thiếu sót nên phần nào ảnh hưởng tới chất lượng của dịch vụ trợ giúp pháp lý.

Thứ ba, bản thân một số đội ngũ trợ giúp viên pháp lý chưa có những hiểu biết nhất định về NKT, cũng như chưa có kinh nghiệm làm việc với NKT; sử dụng những ngôn từ của Luật mà không giải thích cụ thể dẫn tới NKT không hiểu gì, dẫn tới những bất đồng giữa NKT và các tư vấn viên, và sự không hài lòng của NKT vào dịch vụ trợ giúp pháp lý.

Thứ tư, Một số tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chưa có sự kết nối chặt chẽ với các Hội nhóm của NKT trong việc tìm hiểu nhu cầu và trợ giúp pháp lý khi cần thiết.

Thứ năm, Cơ sở vật chất và kinh phí hỗ trợ các trung tâm trợ giúp pháp lý còn thiếu thốn, hạn chế, đặc biệt trụ sở chưa tiếp cận được với NKT (không có đường dốc, phòng tiếp dân ở trên tầng cao, không có bộ phận trợ giúp NKT di chuyển ...).

MỤC 2 NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA QUỐC TẾ - QUỐC GIA VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

* **Mục tiêu:**

- Cung cấp cho học viên kiến thức về các quy định liên quan của luật pháp quốc tế và Việt Nam về quyền của người khuyết tật, từ đó giúp học viên hiểu thêm về những cơ sở pháp lý bảo vệ quyền của người khuyết tật.
- Tính tương thích của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền của người khuyết tật.

1. Các quy định của Luật pháp quốc tế

1.1. *Khái quát lịch sử ghi nhận quyền của người khuyết tật trong pháp luật quốc tế*

Người khuyết tật là một bộ phận dân cư, một nhóm cấu thành trong các xã hội. Ở bất cứ một xã hội nào, trong bất kỳ thời điểm lịch sử nào, cũng tồn tại những người khuyết tật. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), người khuyết tật hiện chiếm khoảng 10% tổng số thành viên nhân loại⁷.



Người khuyết tật là một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất trong xã hội. Tình trạng khuyết tật và định kiến trong các xã hội thường khiến họ bị tổn thương kép. Cũng vì thế mà người khuyết tật thường gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các quyền con người của mình.

Năm 1981, Liên Hợp Quốc đã phát động Năm quốc tế về người khuyết tật thông qua Chương trình hành động vì người khuyết tật năm 1982⁸, với mục tiêu tới năm 2010 sẽ xác lập một xã hội công bằng cho tất cả mọi người. Đến nay, Liên Hợp Quốc cùng nhiều tổ chức quốc tế khác đã ban hành nhiều văn kiện nhằm thúc đẩy quyền của người khuyết tật, trong đó đặc biệt là Công ước Quốc tế về Quyền của người khuyết tật (được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc

⁷ Theo Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam (<http://asvho.vn/m6O-co-so-du-lieu-ve-nguoi-khuyet-tat-nhung-van-de-con-bat-cap>), truy cập ngày 26/11/2018

⁸ Cuốn sách Khuyết tật, từ loại trừ tới bình đẳng, chương 2, trang 9.

thông qua ngày 13/12/2006, với mục đích nhằm bảo vệ các quyền và nhân phẩm của người khuyết tật.⁹

Trước khi thông qua Công ước về Quyền của người khuyết tật, trên phương diện pháp lý, không có điều ước quốc tế nào quy định riêng về quyền của người khuyết tật. Thậm chí không có những điều khoản riêng về quyền của người khuyết tật trong ICCPR và ICESCR (hai Công ước Quốc tế cơ bản về nhân quyền). Nội dung của hai công ước này chỉ quy định việc thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi của mọi người, trong đó có người khuyết tật, thông qua các điều khoản quy định về không phân biệt đối xử¹⁰.

Dù vậy, có những quy định liên quan tới khuyết tật trong một số điều ước khác như Công ước chống tra tấn, Công ước chống phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước quyền trẻ em. Ngoài ra, trong một số tuyên bố, cụ thể như Bình luận chung số 20 năm 2009 của Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá¹¹, đã xác định khuyết tật như là “tình trạng khác” mà không được viện dẫn để phân biệt đối xử như quy định trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền (UDHR, 1948); hay trong Bình luận chung số 5 (1994) cũng xác định khuyết tật không được xem là một trong những dấu hiệu cho sự phân biệt đối xử.¹² Hoặc Bình luận chung số 9 (2006) của Ủy ban quyền trẻ em về quyền của trẻ em khuyết tật cũng nêu ra quan điểm tương tự.

Quyền của người khuyết tật cũng được thể hiện trong Chương trình hành động về người khuyết tật (1982) của Liên Hợp Quốc và văn kiện có tên là “Tiêu chuẩn công bằng cơ hội cho người khuyết tật” (1993) của tổ chức này. Ở cấp khu vực, khu vực châu Mỹ có Công ước Liên Mỹ về việc xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với người khuyết tật (năm 1999).

Thập niên 70 của thế kỷ 20 đã đánh dấu một cách nhìn mới về vấn đề khuyết tật. Khái niệm quyền con người đối với NKT đã được chấp nhận ở nhiều quốc gia trên thế giới và được cộng đồng quốc tế công nhận, khẳng định người khuyết tật cũng là chủ thể bình đẳng của các quyền con người.

Cũng kể từ khi thành lập tới nay, Liên Hợp Quốc đã thông qua những văn bản quốc tế cơ bản liên quan đến người khuyết tật, tuy không có sự ràng buộc về mặt pháp lý nhưng có những giá trị lớn về mặt đạo đức như:

- Tuyên ngôn về quyền của NKT về tâm thần được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 24/12/1971
- Tuyên ngôn về Quyền của người khuyết tật được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 9/12/1975

⁹ Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật_Hướng dẫn tập huấn, Số19, trang21

¹⁰ Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật_Hướng dẫn tập huấn, Số19, trang21

¹¹ <https://www.refworld.org/docid/4a60961f2.html>

¹² <https://www.refworld.org/docid/4538838f0.html>

- Các nguyên tắc bảo vệ người mắc bệnh tâm thần và cải thiện việc chăm sóc sức khoẻ tâm thần được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 17/12/1991.
 - Quy tắc tiêu chuẩn về bình đẳng cơ hội cho NKT được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/12/1993
- Ngoài những công ước này ra, có một số công ước mang tính pháp lý liên quan trực tiếp đến Quyền con người của NKT, mang giá trị ràng buộc với các quốc gia thành viên:
- Công ước Quốc tế về quyền của Người khuyết tật năm 2007
 - Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 16/12/1966
 - Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 16/12/1966
 - Công ước Quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 21/12/1965
 - Công ước Quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 18/12/1979
 - ...

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ	PHÁP LUẬT VIỆT NAM
<p>* Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền, cần đối xử với nhau trên tình nhân loại; - Mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do được ghi trong bản Tuyên ngôn, không có bất cứ phân biệt nào như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay chính kiến, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, nơi sinh hoặc thân thể, và không ai có thể bị tra tấn hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo... - Ai cũng có quyền được hưởng một trật tự xã hội và trật tự quốc tế trong đó những quyền tự do ghi trong bản Tuyên ngôn này có thể được thực hiện đầy đủ. 	<p>Hiến pháp 2013</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi người bình đẳng trước pháp luật; - Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. - Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. - Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được

<p>* Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi con người đều có quyền thừa hưởng cuộc sống và không ai được tự ý tước đoạt cuộc sống của họ; nam giới và phụ nữ có quyền bình đẳng, không bị kỳ thị phân biệt đối xử; - Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. - Nạn nhân của sự bất bình đẳng, phân biệt đối xử đều phải được hỗ trợ. 	<p>bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới - Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em (Điều 37 Hiến pháp 2013)
<p>* Công ước của Liên hợp quốc về chống mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định sự bình đẳng giữa nam và nữ về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa. - Khuyến nghị chung số 19 của Ủy ban CEDAW: bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm cả BLGD, là “hình thức phân biệt đối xử khiến hạn chế nghiêm trọng khả năng thụ hưởng các quyền và tự do của người phụ nữ một cách bình đẳng với nam giới”. <p>Tuyên bố của Liên hợp quốc về xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ được quyền thụ hưởng bình đẳng và được bảo vệ tất cả các quyền con người, bao gồm quyền sống, bình đẳng, tự do, an toàn cá nhân, quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật và quyền không bị tra tấn hay đối xử, trừng phạt một cách độc ác, vô nhân đạo hoặc hèn hạ. - Các quốc gia có nghĩa vụ lên án bạo lực đối với phụ nữ và không được viện dẫn 	<p>* Luật Bình đẳng giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình (Điều 4). - Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới; vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình, mỗi người đều có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình. - Các hành vi bị nghiêm cấm: Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức; Bạo lực trên cơ sở giới; - Mọi hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Việc xử lý vi phạm pháp luật về

bất kỳ tập quán, truyền thống hay lý do tôn giáo nào nhằm từ chối trách nhiệm xóa bỏ bạo lực.

- Các quốc gia phải thực hiện trách nhiệm đầy đủ để phòng ngừa, điều tra và trừng trị các hành vi bạo lực đối với phụ nữ theo pháp luật quốc gia, dù các hành vi đó là do Nhà nước hay cá nhân thực hiện.

- Các quốc gia có nghĩa vụ thiết lập những biện pháp phòng ngừa để tăng cường bảo vệ phụ nữ trước mọi hình thức bạo lực và đảm bảo rằng phụ nữ không bị tổn thương thêm do sự thiếu nhạy cảm giới của hệ thống luật pháp, các hoạt động hành pháp và các can thiệp khác.

bình đẳng giới phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để;

*** Luật Phòng chống bạo lực gia đình**

- Nhà nước nghiêm cấm các hành vi BLGD; cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi BLGD; sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động BLGD; trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ nạn nhân BLGD, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi BLGD; cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi BLGD. Lợi dụng hoạt động phòng, chống BLGD để trục lợi hoặc thực hiện hoạt động trái pháp luật và dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi BLGD

- **Quy định về xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống BLGD:**

+ *Xử lý hành chính:* **Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ** quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống BLGD

+ *Xử lý hình sự:* **Bộ luật Hình sự** quy định *nhều tội danh để xử lý những hành vi có liên quan đến BLGD* (Chương XIV quy định các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người (từ Điều 123 đến Điều 156); Chương XVII Bộ luật Hình sự *quy định các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình*, với 7 tội danh cụ thể quy định từ Điều 181 đến Điều 187, trong đó có nhiều tội trực tiếp liên quan đến BLGD, đặc biệt là BLGD đối với phụ nữ; *quy định các tội liên quan đến bạo lực tình dục* Tội Hiếp dâm, Tội cưỡng dâm, Tội khiêu dâm, Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với

	<p>người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (từ điều 141 đến điều 147).</p> <p>- Quy định về bồi thường cho nạn nhân BLGD</p> <p>Nếu nạn nhân BLGD bị thương tật do hành vi BLGD gây ra và hành vi đánh đập gây thương tích cho nạn nhân thì người có hành vi bạo lực phải bồi thường thiệt hại căn cứ trên thiệt hại thực tế xảy ra. Thiệt hại được xác định theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.</p>
<p>*Công ước Quốc tế về Quyền của NKT (CRPD)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng nhân phẩm vốn có, quyền tự chủ của cá nhân, trong đó có sự tự do lựa chọn và tôn trọng sự độc lập của cá nhân - Bình đẳng và không phân biệt đối xử, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ, quyền được hưởng lợi ích của pháp luật một cách bình đẳng, không có sự phân biệt nào - Tham gia hoà nhập trọn vẹn vào xã hội; tôn trọng sự khác biệt và chấp nhận NKT là một bộ phận của nhân loại có tính đa dạng - Bình đẳng về cơ hội, tôn trọng khả năng phát triển của trẻ em khuyết tật và tôn trọng quyền của trẻ em khuyết tật được giữ gìn bản sắc của mình. - Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho NKT được tiếp cận hệ thống tư pháp một cách hữu hiệu, trên cơ sở bình đẳng với những người khác, trong đó bằng cách quy định về sự tiện lợi trong tố tụng và sự bố trí phù hợp với lứa tuổi, nhằm mục đích tạo điều kiện cho NKT đóng vai trò hiệu quả khi tham gia trực tiếp hoặc 	<p>*Luật Người khuyết tật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định NKT có quyền bình đẳng như những người không khuyết tật. Nhà nước có trách nhiệm và nghĩa vụ đảm bảo NKT được thực hiện quyền của mình trong tất cả các lĩnh vực của xã hội. - Những hành vi bị nghiêm cấm trong đối xử với NKT: Kỳ thị, phân biệt đối xử với NKT; Xâm phạm thân thể, nhân phẩm, danh dự, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của NKT; Lôi kéo, dụ dỗ hoặc ép buộc NKT thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội; Lợi dụng NKT, tổ chức của NKT, tổ chức vì NKT, hình ảnh, thông tin cá nhân, tình trạng của NKT để trục lợi hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc NKT theo quy định; Cản trở quyền kết hôn, quyền nuôi con của NKT; gian dối trong việc xác định mức độ khuyết tật...

gián tiếp, như với tư cách người làm chứng, vào mọi tiến trình pháp lý, kể cả ở giai đoạn điều tra hoặc các giai đoạn đầu.

Quyền của NKT theo Công ước CRPD		Các biện pháp của quốc gia thành viên	
Điều	Quyền con người của NKT	Điều	Biện pháp
10	Quyền sống	8	Nâng cao nhận thức...
12	Quyền bình đẳng trước pháp luật	9	Tiếp cận nhằm làm cho NKT sống độc lập và có thể tiếp cận với môi trường vật chất, giao thông, thông tin và truyền thông
14	Quyền tự do và an toàn cá nhân	11	Đối phó các tình huống rủi ro và tình trạng khẩn cấp nhân đạo
15	Quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm	13	Tiếp cận công lý ...
16	Quyền không bị bóc lột, bạo lực và lạm dụng	20	Sự di chuyển của cá nhân thúc đẩy sự độc lập cho NKT
17	Quyền bảo vệ sự toàn vẹn cá nhân	26	Phục hồi chức năng NKT...
18	Quyền tự do đi lại và có quốc tịch	31	Thống kê và thu thập số liệu để xây dựng và thực hiện công ước
19	Quyền được sống độc lập và được sống trong cộng đồng	32	Hợp tác quốc tế
21	Quyền tự do biểu đạt, chính kiến và tiếp cận thông tin		
22	Quyền được tôn trọng sự riêng tư		
23	Quyền tôn trọng tổ ấm gia đình		
24	Quyền được giáo dục		
25	Quyền được chăm sóc sức khỏe		
27	Quyền được lao động và có việc làm		
28	Quyền có mức sống đủ và an sinh xã hội		
29	Quyền tham gia vào đời sống chính trị và cộng đồng		

30	Quyền tham gia đời sống văn hoá, giải trí, vui chơi và thể thao		
-----------	---	--	--

2. Những quy định của pháp luật Việt Nam về người khuyết tật

Vấn đề quyền của một số nhóm xã hội dễ bị tổn thương, trong đó có quyền của NKT đã được quy định trong pháp luật và các chính sách của Việt Nam từ rất sớm. Vấn đề NKT được quy định trong văn bản pháp luật cao nhất là Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 1992 và sửa đổi năm 2001, quy định rõ “người già, người tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được nhà nước và xã hội giúp đỡ. Nhà nước và xã hội tạo mọi điều kiện cho trẻ em tàn tật được học văn hoá và học nghề phù hợp”. Việc bảo vệ NKT được quy định cụ thể tại Điều 58 và điều 67 của Hiến pháp. Trên cơ sở Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998, nhiều văn bản pháp luật khác đã được ban hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của NKT trên mọi mặt của cuộc sống, như:

- Nhóm các văn bản về giáo dục cho NKT
- Nhóm các văn bản về y tế cho NKT
- Nhóm các văn bản về lao động và dạy nghề
- Nhóm các văn bản về bảo trợ xã hội cho NKT
- Nhóm các văn bản quy định về thể dục thể thao văn hoá
- Nhóm các văn bản quy định về tiếp cận cho NKT

Ngày 28/11/2013, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua Hiến pháp mới, trong đó đã dành hẳn Chương 2 quy định về quyền con người nói chung, trong đó có quyền của NKT, theo đó “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội”¹³. Ngày 1/1/2011 Luật NKT chính thức có hiệu lực thi hành. Đây là văn bản pháp luật cao nhất về NKT và là cơ sở pháp lý toàn diện để thực hiện trợ giúp về NKT có hiệu quả.

Quyền của NKT	Quy định trong Hiến Pháp	Các văn bản Luật khác	Luật NKT
Quyền sống	Điều 19 Hiến pháp năm 2013	Điều 32 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 93 tới 122 Bộ luật hình sự quy định các tội phạm về tính mạng, sức	Khoản 7 Điều 2 Luật NKT

¹³ Điều 15 Hiến pháp năm 2013 của nước CHXHCN Việt Nam

		khỏe...	
Quyền bình đẳng trước pháp luật	Điều 15 Hiến pháp năm 2013	Điều 5 Bộ luật dân sự; Điều 1 luật quốc tịch 2008; Điều 8 Luật tổ chức TAND; Điều 4 Luật TTHS, Điều 8 Luật TTDS năm 2004	Điều 4 Luật NKT
Quyền tự do và an toàn cá nhân	Điều 20, Hiến pháp năm 2013	Điều 6 Bộ luật TTHS	Khoản 2 Điều 14 Luật NKT
Quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư	Điều 21 Hiến pháp năm 2013	Điều 38 Bộ luật Dân sự về bí mật đời tư	Khoản 3 Điều 7; Khoản 2 Điều 8; khoản 6 Điều 14
Quyền được tự do đi lại, tự do lựa chọn quốc tịch và nơi sinh sống	Điều 22,23 Hiến pháp năm 2013	Điều 48 Bộ luật dân sự, Điều 3 Luật cư trú năm 2006	
Quyền tự do biểu đạt, tiếp cận thông tin	Điều 25 Hiến pháp năm 2013	Luật báo chí, Luật tiếp cận thông tin	Điều 43 Luật NKT
Quyền tham gia đời sống chính trị, công cộng	Điều 27,28 và 29 Hiến pháp 2013	Luật bầu cử ĐBQH, luật bầu cử ĐBHĐND	Điều 4 Luật NKT
Quyền tiếp cận	Điều 16, 31	Luật trợ giúp pháp lý; Luật Xây dựng, Luật giao thông đường bộ Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 phê duyệt đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012 - 2020	Điều 39, 40, 41, 42
Quyền bảo trợ xã hội	Điều 15	Nghị định số 28/2012/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật NKT; thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH xác định mức độ khuyết tật; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng BTXH	Điều 44, 45,46, 47 Luật NKT;

TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Mục 3: Hệ thống và các cơ quan bảo vệ quyền của NKT

**Mục 4: Nguyên tắc và kỹ năng làm việc thân thiện
với Người khuyết tật**

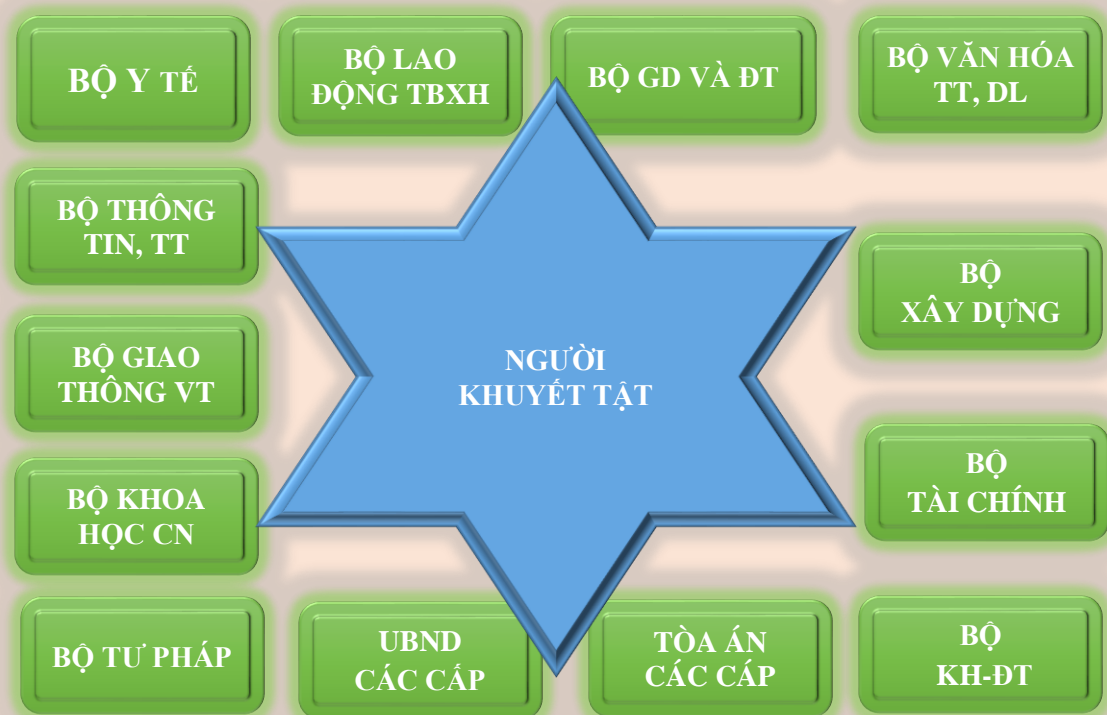
**Mục 5: Những điều nên làm và không nên làm,
vai trò trách nhiệm của người thực hiện trợ
giúp pháp lý trong hoạt động TGPL cho NKT**

MỤC 3 HỆ THỐNG VÀ CÁC CƠ QUAN BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

* Mục tiêu:

- Cung cấp kiến thức về các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ người khuyết tật có khó khăn về tài chính.
- Hiểu được trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ người khuyết tật có khó khăn về tài chính.
- Hiểu được hệ thống Trợ giúp pháp lý cho Người khuyết tật có khó khăn về tài chính và quy trình trợ giúp pháp lý.

1. Các cơ quan, tổ chức bảo vệ quyền của NKT



Theo quy định của Điều 49, 50 của Luật NKT năm 2010, các cơ quan chính có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NKT, với những nhiệm vụ cụ thể sau:

* **Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội:** Đây là cơ quan chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác NKT. Theo đó, Bộ Lao động-Thương binh Xã hội có những trách nhiệm cụ thể sau:

- Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch về công tác người khuyết tật;

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về người khuyết tật; chương trình, đề án, kế hoạch về công tác người khuyết tật;



- Xây dựng và trình Chính phủ ban hành thủ tục, hồ sơ, thời gian và quy trình giải quyết chế độ trợ cấp xã hội, chế độ mai táng phí; quy trình, thủ tục, hồ sơ tiếp nhận và điều kiện dừng nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật trong cơ sở chăm sóc người khuyết tật;

- Xây dựng và trình Chính phủ ban hành quy định về chế độ, chính sách đối với người làm công tác người khuyết tật; cán bộ, công chức, nhân viên chăm sóc, nhân viên phục hồi chức năng, cán bộ chuyên trách của tổ chức người khuyết tật;

- Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, nhân viên chăm sóc người khuyết tật trong cơ sở chăm sóc người khuyết tật;

- Đào tạo nghiệp vụ cán bộ, công chức, nhân viên làm công tác người khuyết tật và nhân viên chăm sóc người khuyết tật tại gia đình, cộng đồng và trong cơ sở chăm sóc người khuyết tật;

- Xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao nhận thức về người khuyết tật và công tác người khuyết tật;

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về NKT;

- Thực hiện các hợp tác quốc tế về NKT;

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật;

- Thực hiện khảo sát, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu và thông tin, định kỳ công bố báo cáo về người khuyết tật;

- Quy hoạch và quản lý hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật thuộc thẩm quyền.

* **Bộ Y tế:** là cơ quan phối hợp với Bộ Lao động thương binh và xã hội thực hiện các công tác về NKT, cụ thể:

- Thực hiện quản lý nhà nước về chăm sóc sức khỏe NKT;

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết hoạt động phục hồi chức năng người khuyết tật; đào tạo về phục hồi chức năng; thực hiện chương trình phòng ngừa khuyết tật; hướng dẫn thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng đối với người khuyết tật.

* **Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Có trách nhiệm

- Thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đối với người khuyết tật

- Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu và chữ nổi Braille cho người khuyết tật;

- Thực hiện quy hoạch hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

- Đào tạo giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục, biên soạn chương trình, tài liệu, giáo trình và sách giáo khoa áp dụng cho người học là người khuyết tật; chỉ đạo nghiên cứu, sản xuất và cung ứng thiết bị dạy học phù hợp với từng dạng tật và mức độ khuyết tật;

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế thực hiện chương trình giáo dục đặc biệt đối với trẻ em khuyết tật.

* **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác văn hóa, thể thao, giải trí và du lịch đối với người khuyết tật; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người khuyết tật.

* **Bộ Xây dựng** có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng nhà ở chung cư, trụ sở làm việc, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

* **Bộ Giao thông Vận tải** có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu hạ tầng giao thông, các công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên người khuyết tật tham gia giao thông công cộng.

* **Bộ Thông tin và Truyền thông** có trách nhiệm ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp cận thông tin đối với người khuyết tật; chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thông tin đại chúng thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

* **Bộ Khoa học và Công nghệ** chủ trì và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định khuyến khích nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng sản phẩm hỗ trợ người khuyết tật sử dụng.

* **Bộ Tài chính** bố trí ngân sách thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án trợ giúp người khuyết tật; bố trí ngân sách điều tra, khảo sát và thống kê người khuyết tật theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

* **Bộ Kế hoạch và Đầu tư** thẩm định, phê duyệt các dự án nhà nước đầu tư chăm sóc, nuôi dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng người khuyết tật; chủ trì và phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội điều tra, khảo sát và thống kê người khuyết tật.

* **Bộ Tư pháp**: là cơ quan phối hợp với Bộ Lao động thương binh xã hội đảm bảo quyền tiếp cận tư pháp, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính.

Ngày 01/11/2019, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ban hành chỉ thị số 39-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của người khuyết tật, trong đó có vai trò của Bộ Tư Pháp. Theo quy định của Luật NKT, Bộ Tư pháp là một trong những cơ quan nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật, theo đó Bộ đã phân công cụ thể một cơ quan chuyên môn (Cục Trợ giúp pháp lý), thực hiện công tác trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính theo những quy định cụ thể trong Luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Cục Trợ giúp pháp lý có một số nhiệm vụ sau:

- Xây dựng các đề án, chương trình trợ giúp pháp lý và trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai những đề án, chương trình sau khi đã được phê duyệt.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, nâng cao nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho các Trung tâm trợ giúp pháp lý trực thuộc Cục trợ giúp pháp lý.

- Phối hợp với các tổ chức của và vì NKT, các tổ chức liên quan triển khai các đề án, Chương trình hỗ trợ tư pháp cho NKT.

* **Ủy ban nhân dân cấp xã/ phường/ thị trấn**: Là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về NKT tại cơ sở, với những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Thành lập hội đồng xác định mức độ khuyết tật và tiến hành xác định mức độ khuyết tật cho NKT.
- Đảm bảo công tác chi trả trợ cấp xã hội cho NKT.
- Thực hiện công tác quản lý và hỗ trợ NKT đang sinh sống trên địa bàn.
- Giải đáp các thắc mắc về quyền của NKT tại địa phương.

UBND cấp huyện, tỉnh, theo chức năng nhiệm vụ của mình, lồng ghép các hoạt động của NKT vào công tác phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cũng như phối hợp với các cơ quan liên quan, các tổ chức của và vì NKT triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ NKT hoà nhập cộng đồng. Ngoài ra, đây còn là cơ quan giải quyết các khiếu nại của người NKT khi NKT cho rằng quyền của mình bị vi phạm (tùy theo tính chất vụ việc khiếu nại mà UBND cấp có thẩm quyền sẽ giải quyết).

*** Các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án):** Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan này có quyền, đồng thời có nghĩa vụ áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội, và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tựu chung lại, các cơ quan tiến hành tố tụng này có trách nhiệm nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân nói chung, người khuyết tật nói riêng.

Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho người được trợ giúp pháp lý được hưởng quyền trợ giúp pháp lý.

***Hội nhóm của NKT:** Thông qua chức năng nhiệm vụ của mình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NKT gián tiếp, thông qua quá trình làm việc với các cơ quan nhà nước có liên quan (yêu cầu đảm bảo quyền của NKT).

Các cơ quan nhà nước có liên quan: trong quá trình xử lý, giải quyết vụ việc liên quan tới công dân, nếu công dân thuộc diện người được trợ giúp pháp lý, cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Một số các dịch vụ khác bảo vệ quyền của NKT

Ngoài những cơ quan nhà nước nói trên, một số cơ quan khác cũng có những hoạt động hỗ trợ NKT trong một số lĩnh vực như chăm sóc sức khoẻ, tư vấn chăm sóc sức khoẻ, tâm lý và pháp luật, cụ thể:

- *Chăm sóc sức khoẻ – tư vấn chăm sóc sức khoẻ:* Tại bất cứ bệnh viện nào, NKT đều có quyền được nhận những dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, tư vấn

chăm sóc sức khoẻ theo đúng quy định của pháp luật. NKT trong diện hưởng trợ cấp xã hội sẽ được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và được thăm khám và điều trị miễn phí tại các bệnh viện nơi có đăng ký bảo hiểm y tế. Tại đây, NKT được cơ quan bảo hiểm chi trả các chi phí khám, chữa bệnh theo quy định của luật bảo hiểm y tế và luật khám chữa bệnh. Ngoài ra, tại mỗi địa phương, NKT đều có thể tới trung tâm y tế cấp huyện để được hưởng dịch vụ khám chữa bệnh và tư vấn chăm sóc sức khoẻ miễn phí. Hiện nay, ngoài khỏi nhà nước, có rất nhiều các bệnh viện, phòng khám tư nhân cũng có những hoạt động về tư vấn chăm sóc sức khoẻ miễn phí dành cho NKT. Bên cạnh đó cũng có nhiều tổ chức phi chính phủ trong nước, triển khai những dự án/ chương trình tư vấn chăm sóc sức khoẻ, phối hợp với các trung tâm y tế tiến hành khám sàng lọc chăm sóc sức khoẻ cho người khuyết tật nói chung, phụ nữ khuyết tật nói riêng.

- *Tư vấn chăm sóc tâm lý*: do đặc thù của NKT nên việc tư vấn tâm lý cho NKT cũng là hoạt động rất cần thiết, để hỗ trợ NKT xoá bỏ rào cản, hoà nhập hơn với cộng đồng. Bên cạnh các trung tâm tư vấn tâm lý tại các bệnh viện, có những trung tâm tư vấn tâm lý thuộc Hội liên hiệp phụ nữ hay những trung tâm ngoài nhà nước, được thành lập để hỗ trợ tâm lý cho NKT. NKT khi gặp những bất ổn về tâm lý, có thể tới những nơi này để các bác sỹ tâm lý, những tư vấn viên tư vấn, hỗ trợ, giải đáp những khúc mắc cho NKT.

- *Tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia*: Đây là tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp và tự nguyện của các luật gia làm công tác pháp luật trong cả nước. Hàng năm hội có các hoạt động như nghiên cứu pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật, tham gia tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật. Hội Luật gia Việt Nam có các chi hội tại các Quận/huyện. Người khuyết tật khi cần tư vấn pháp luật, có thể tìm tới các Hội luật gia cấp quận/huyện nơi mình có hộ khẩu thường trú để được tư vấn pháp luật.

3. Những nguyên tắc cơ bản trong trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính

Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của nhà nước, Nhà nước phải có trách nhiệm giúp đỡ những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trong trường hợp họ không có đủ khả năng tài chính thuê luật sư khi họ phải đối diện với pháp luật để bảo đảm công lý, công bằng xã hội. Để thực hiện đầy đủ công tác trợ giúp pháp lý cho NKT **có khó khăn về tài chính**, cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau:

- Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý
- Kịp thời, độc lập, trung thực tôn trọng sự thật khách quan
- Bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý

- Không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL¹⁴

Cụ thể, với từng cá nhân người thực hiện trợ giúp pháp lý, ngoài việc phải tuân thủ các nguyên tắc chung, cũng cần phải lưu ý tới một số điểm sau:

- **Đảm bảo sự liêm chính**: Nguyên tắc này góp phần bảo đảm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.
- **Đảm bảo tính độc lập trong quá trình trợ giúp pháp lý**: Đây là nguyên tắc quan trọng nhất đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý, mang tính xuyên suốt khi hành nghề, đặc biệt khi tham gia tố tụng. Để thực hiện nguyên tắc này, đòi hỏi người thực hiện TGPL trong quá trình thực hiện vụ việc phải tự mình đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ việc mà không chịu ảnh hưởng, tác động của bất kỳ cá nhân nào, cũng như không để lợi ích của mình hoặc lợi ích của cá nhân, cơ quan tổ chức khác ảnh hưởng đến việc trợ giúp pháp lý.

Tuân thủ quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý

Trung thực, liêm chính, tôn trọng sự thật khách quan: Phải trung thực, liêm chính, tôn trọng sự thật khách quan, giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, không lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi cho mình hoặc cho cá nhân, cơ quan, tổ chức khác.

Độc lập khi thực hiện trợ giúp pháp lý: Đảm bảo sự độc lập, không để lợi ích của mình, lợi ích của cơ quan, tổ chức khác ảnh hưởng đến việc thực hiện vụ việc, việc trợ giúp pháp lý; không bị tác động bởi môi trường hành chính nội bộ, không bị ảnh hưởng khi bị đe dọa, cản trở sách nhiễu hoặc bị can thiệp trái pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý.

Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý: Thực hiện với sự tận tâm, trách nhiệm, kịp thời áp dụng các biện pháp, kỹ năng cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

Bảo mật thông tin trong trợ giúp pháp lý: Giữ bí mật thông tin về vụ việc, về người được trợ giúp pháp lý mà mình biết được thông qua quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của người được trợ giúp pháp lý hoặc luật có quy định khác. Không được sử dụng thông tin có được trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý để gây bất lợi cho người được trợ giúp pháp lý, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu tới đạo đức xã hội.

Ứng xử với người được trợ giúp pháp lý: Đảm bảo sự tôn trọng, lịch sự, thân thiện với người được trợ giúp pháp lý, thể hiện phong cách chuyên nghiệp, tạo sự tin tưởng đối với người được trợ giúp pháp lý; Sử dụng ngôn ngữ, ký hiệu đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, ngắn gọn phù hợp với người được trợ giúp pháp lý để người được trợ giúp pháp

¹⁴ Luật Trợ giúp pháp lý Việt Nam, 2017

lý biết và thực hiện; Không được có thái độ hách dịch, có các hành vi coi thường người được trợ giúp pháp lý hoặc phân biệt đối xử với người được trợ giúp pháp lý. Không được sách nhiễu, chậm trễ, gây khó khăn, phiền hà cho người được trợ giúp pháp lý; hứa hẹn trước về kết quả giải quyết vụ việc, việc trợ giúp pháp lý... Không được gợi ý, đòi hỏi, đặt điều kiện hoặc nhận bất kỳ lợi ích vật chất, lợi ích khác có liên quan đến vụ việc, việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý hoặc người khác; Không được xúi giục, kích động người được trợ giúp pháp lý thực hiện những hành vi trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Ứng xử với đồng nghiệp: Tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín của đồng nghiệp người trợ giúp pháp lý; chân thành, đoàn kết, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ, phối hợp; không xúc phạm, hạ thấp

danh dự nhân phẩm, uy tín của đồng nghiệp; không thông đồng với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện vụ việc, việc trợ giúp pháp lý nhằm gây bất lợi cho người được trợ giúp pháp lý, hoặc để trục lợi cho mình, hoặc cho cá nhân, cơ quan, tổ chức khác; không được cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc thực hiện vụ việc, việc trợ giúp pháp lý của đồng nghiệp.

Ứng xử với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác: Ứng xử đúng mực, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm tính hợp tác, lịch sự, tôn trọng đối với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc người có thẩm quyền liên quan đến vụ việc, việc trợ giúp pháp lý; phối hợp kịp thời với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc, trợ giúp pháp lý; không được móc nối, lôi kéo, xúi giục người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người ở các cơ quan, tổ chức có liên quan đến vụ việc, việc trợ giúp pháp lý làm trái quy định của pháp luật; không được tự mình hoặc xúi giục người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ mà mình biết rõ là không đúng sự thật liên quan tới vụ việc, việc trợ giúp pháp lý hoặc thực hiện các hành vi lừa dối, hành vi bất hợp pháp khác gây khó khăn, cản trở việc giải quyết vụ việc, việc trợ giúp pháp lý của cơ quan tổ chức cá nhân có thẩm quyền.



Một số nguyên tắc chung khi làm việc với NKT

- Không đưa ra những giả định về NKT
- Yêu cầu trước khi muốn giúp đỡ NKT
- Giao tiếp/ trao đổi với âm lượng giọng nói bình thường
- Tránh những từ ngữ mang tính xúc phạm, kỳ thị (VD: tàn tật, què, cụt...)

4. Các quy định về trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính

NKT có khó khăn về tài chính là một trong những đối tượng được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí, được hưởng những quyền lợi cụ thể sau:

- Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.

- Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan.

- Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật này.

- Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Để quá trình trợ giúp pháp lý được hiệu quả, người tiến hành trợ giúp pháp lý cần phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

- Thực hiện TGPL: Điều này khẳng định người thực hiện TGPL cần phải thực hiện chức trách, nhiệm vụ của chính mình. Đây là nghĩa vụ của người thực hiện TGPL góp phần đưa công tác TGPL đi đúng trọng tâm, bản chất của TGPL, không chồng lấn sang các dịch vụ pháp lý khác.

- Được bảo đảm thực hiện TGPL độc lập, không bị đe dọa, cản trở, sách nhiễu hoặc can thiệp trái pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm cho hoạt động TGPL của người thực hiện TGPL được thuận lợi, đồng thời thực hiện nguyên tắc độc lập trong quá trình thực hiện các hoạt động tác nghiệp đã quy định tại Khoản 2, Điều 3, Luật TGPL năm 2017.

- Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện TGPL theo quy định của Luật TGPL và theo pháp luật về tố tụng để bảo đảm vụ việc TGPL được thực hiện

một cách chất lượng, tránh những yếu tố ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

- Được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ TGPL, nhằm bảo đảm người thực hiện TGPL được cập nhật kiến thức pháp luật nói chung cũng như kiến thức, kỹ năng về TGPL nói riêng.

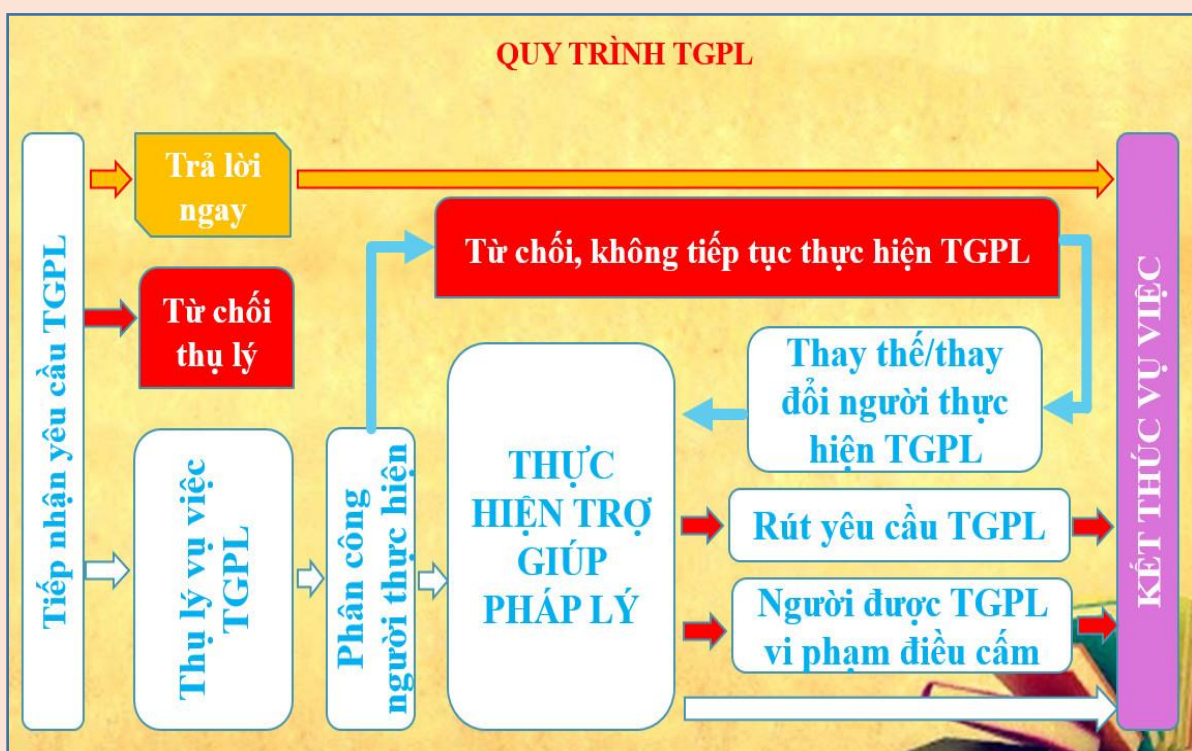
- Bảo đảm chất lượng vụ việc TGPL: Quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm của người thực hiện TGPL trong việc thực hiện TGPL, bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

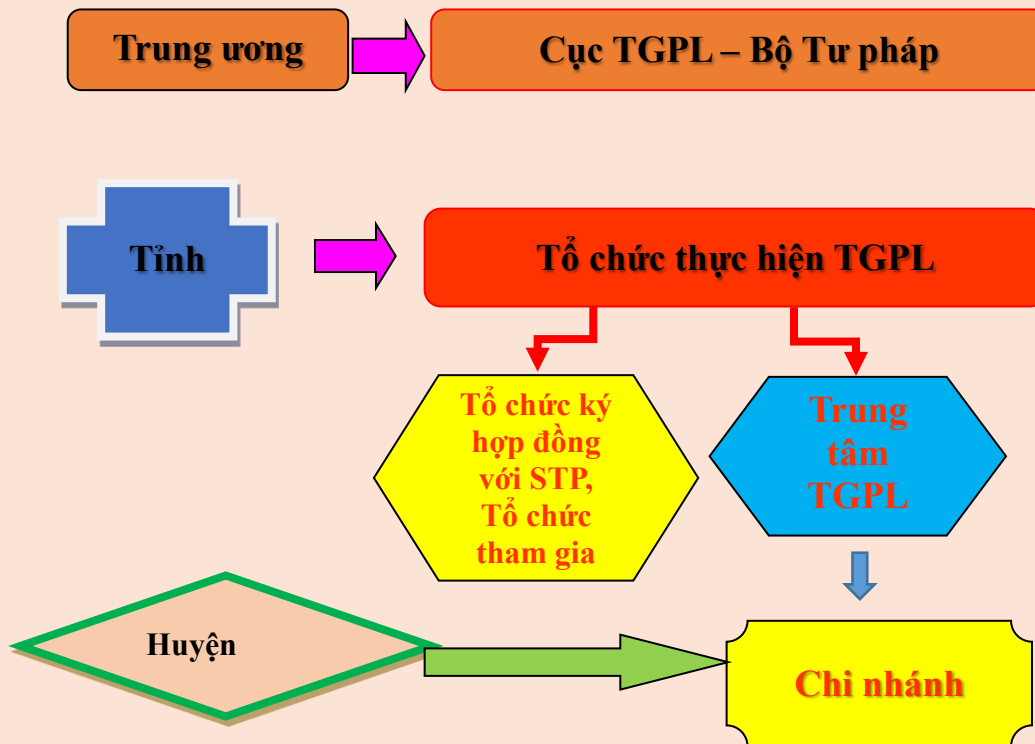
- Tuân thủ nguyên tắc hoạt động TGPL: Nguyên tắc hoạt động TGPL được quy định đầy đủ ở Điều 3, Luật TGPL năm 2017 gồm: Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp TGPL; kịp thời, độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL; không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL.

- Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy nơi thực hiện TGPL, gồm: Nội quy tại tổ chức thực hiện TGPL, cơ quan tiến hành tố tụng hoặc tại các cơ quan, tổ chức khác mà người thực hiện TGPL cung cấp dịch vụ tại đó.

- Bồi thường hoặc hoàn trả một khoản tiền cho tổ chức thực hiện TGPL đã trả cho người bị thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện TGPL theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của người thực hiện TGPL trong quá trình thực hiện TGPL nói chung, đồng thời phù hợp với pháp luật về viên chức.

Hệ thống trợ giúp pháp lý





Quy trình thực hiện trợ giúp pháp lý

Bước	Nội dung
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu TGPL, kiểm tra giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được TGPL hay không, điều kiện thụ lý. Để tiếp nhận yêu cầu này, tổ chức thực hiện TGPL cần bố trí nơi tiếp người được TGPL (người khuyết tật), tiếp cận với NKT, đảm bảo các điều kiện để NKT được trình bày yêu cầu được thuận lợi, dễ dàng.
Bước 2	Sau khi đã kiểm tra các điều kiện thụ lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý xác định lĩnh vực pháp luật. Việc xác định lĩnh vực pháp luật yêu cầu trợ giúp pháp lý giúp tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chỉ thụ lý đối với những yêu cầu không thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại
Bước 3	Kiểm tra điều kiện về phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp: Người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương; Vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương; Vụ việc trợ giúp pháp lý do cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương yêu cầu. - Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi hợp đồng. - Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi đăng ký.
Bước 4	Thụ lý và tiến hành trợ giúp pháp lý

Tuỳ thuộc vào từng hình thức TGPL mà việc thực hiện TGPL được tiến hành theo các cách thức khác nhau, cụ thể:

- Tư vấn pháp luật
- Tham gia tố tụng
- Đại diện ngoài tố tụng

Từ chối thực hiện vụ việc TGPL khi không đáp ứng điều kiện thụ lý theo quy định của pháp luật về TGPL

Lưu ý: Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối thụ lý và thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người yêu cầu khi thuộc một trong những trường hợp sau:

- Yêu cầu trợ giúp pháp lý không liên quan trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý
- Yêu cầu trợ giúp pháp lý có những nội dung trái pháp luật
- Người được trợ giúp pháp lý đã chết
- Vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác thụ lý, giải quyết.

MỤC 4 NGUYÊN TẮC, KỸ NĂNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

* **Mục tiêu:**

- Nắm được các yêu cầu cơ bản khi thực hiện TGPL cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính;
- Hiểu và vận dụng được các kỹ năng làm việc thân thiện đối với người khuyết tật có khó khăn về tài chính;
- Hiểu và vận dụng các kỹ năng làm việc thân thiện với người khuyết tật có khó khăn về tài chính vào quy trình thực hiện TGPL;
- Nâng cao các kỹ năng tư vấn; tham gia tổ tụng, đại diện ngoài tổ tụng cho Người khuyết tật có khó khăn về tài chính.

I. Các yêu cầu cơ bản khi thực hiện TGPL cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính

Thấu hiểu các quyền con người

- Quyền được đối xử bình đẳng, tôn trọng: NKT đến với TGPL có quyền được đối xử công bằng với các diện được TGPL khác và không bị kỳ thị
- Không bị xúc phạm: Không chê bai hay thể hiện sự miệt thị NKT.
- Quyền được tiếp cận thông tin: Khi NKT tiếp cận với dịch vụ TGPL, họ có quyền được cung cấp thông tin và tư vấn đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của họ, những nơi họ có thể đến để được trợ giúp, khi tiếp nhận, người thực hiện TGPL thể hiện thái độ lắng nghe và không phán xét thì họ sẽ dễ dàng thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách đầy đủ và chính xác.
- Quyền được bảo vệ: Bất kỳ NKT nào cũng đều được pháp luật bảo vệ. Khi họ đến với tổ chức TGPL, người tiếp nhận, người thực hiện TGPL cần phải đảm bảo rằng những giải pháp đưa ra phù hợp và có hiệu quả để họ có thể thực hiện quyền bảo vệ của mình một cách tốt nhất; Trong quá trình thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL cần phải có giải pháp bảo đảm rằng NKT không bị kỳ thị, định kiến trong quá trình TGPL.

Thấu hiểu và cảm thông

- Hãy đặt mình vào vị trí của NKT khi tiếp xúc, giao tiếp với NKT.
- Hiểu và nhìn nhận sự việc của họ một cách cảm thông, chia sẻ để hỏi về những vấn đề mà họ mong muốn được giúp đỡ, hỗ trợ.
- Giao tiếp, ứng xử nhẹ nhàng, tránh cho họ trở thành khuyết tật thêm một lần nữa.

Lấy NKT làm trung tâm

- Dành sự ưu tiên trong việc thực hiện các thủ tục TGPL đối với NKT bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện và thân thiện.
- Trong lần gặp gỡ đầu tiên cần cho NKT thấy rằng họ đang được quan tâm, đối xử bình đẳng. Vì vậy, nên tạo môi trường thân thiện, thoải mái để NKT cảm thấy an tâm và thoải mái khi nói chuyện. Nên tạo sự tin cậy bằng cách thăm hỏi sức khỏe những câu hỏi nhẹ nhàng không liên quan đến vụ việc.
- Hãy bắt đầu cuộc gặp gỡ đầu tiên bằng những câu hỏi hoặc gợi ý nhằm giúp NKT bình tĩnh; tránh sự cáu giận, mất bình tĩnh.
- Người thực hiện TGPL cần dành thời gian và tâm sức để xây dựng quan hệ tin cậy với NKT, cảm thông với họ để hiểu mong muốn và biết được điều gì sẽ phù hợp với lợi ích tốt nhất của họ.
- Sắp xếp, bố trí phòng làm việc hoặc địa điểm TGPL phù hợp, tiếp cận với NKT, kín đáo và thân thiện.
- Cần giải thích, hướng dẫn đầy đủ về những điều đã, đang và sẽ diễn ra; những nội dung có thể giúp được họ. Đặc biệt không nên hứa hẹn những điều không khả thi.

Bảo đảm bí mật và an toàn thông tin

- Bảo đảm thông tin về NKT không bị tiết lộ, được giữ bí mật theo đúng quy định tại Quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Cần chú ý tới vấn đề bảo mật thông tin trong các quy trình giải quyết vụ việc để kịp thời đề nghị cơ quan có thẩm quyền bảo đảm bí mật thông tin cho NKT.
- Đảm bảo thông tin được giữ bí mật dưới mọi phương thức liên lạc. Nếu thông tin vụ việc được chia sẻ vì mục đích học tập hoặc cho truyền thông cho cộng đồng thì phải đảm bảo rằng những thông tin đó được NKT đồng ý cung cấp.

Thể hiện hình ảnh người thực hiện TGPL tận tâm vì công việc

- Tránh bàng quan, vô cảm hay nói trống không, nói to hoặc để tâm lý bực tức khi tiếp xúc, làm việc và thực hiện TGPL cho NKT.
- Có kế hoạch làm việc cụ thể, tham khảo ý kiến, quan điểm của các chuyên gia, những người có trách nhiệm trong giải quyết vụ việc.
- Tránh có thái độ hách dịch, trì hoãn hoặc chậm trễ gây khó khăn, phiền hà cho NKT.
- Cung cấp đầy đủ thông tin, đưa ra các phương án và giải thích rõ ràng cho NKT về những ưu điểm, nhược điểm của từng giải pháp để NKT nhận thức được tầm quan trọng trong việc tham gia của mình; bảo đảm ý kiến của NKT được lắng nghe trên cơ sở quyền của họ.

- Chuẩn bị kỹ cho việc tham gia các hoạt động tổ tụng, trong quá trình giải quyết vụ việc, trường hợp cần thiết giải thích cho NKT về thời gian, địa điểm, cách thức diễn ra phiên tòa hoặc phiên họp, những người tham gia phiên tòa ...

II. Kỹ năng làm việc thân thiện với người khuyết tật

1. Kỹ năng mềm

Người khuyết tật là đối tượng yếu thế trong xã hội, hạn chế trong việc tiếp cận cơ hội, cũng như trong việc được đảm bảo quyền trợ giúp pháp lý. Để quá trình trợ giúp pháp lý được hiệu quả, cán bộ trợ giúp pháp lý cần đảm bảo một số kỹ năng mềm trong quá trình trợ giúp cho NKT, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và kỹ năng lắng nghe với NKT.



1.1. Kỹ năng giao tiếp với NKT

Kỹ năng giao tiếp bao gồm khả năng truyền đạt thông điệp, lắng nghe tích cực, trao đi và nhận lại phản hồi giữa chủ thể giao tiếp (người nói) và đối tượng giao tiếp (người nghe) nhằm đạt được mục đích giao tiếp nhất định. Khi tiếp đối tượng TGPL, người tư vấn cần phải kết hợp các kỹ năng như tiếp đối tượng, nghe đối tượng trình bày vụ việc để hiểu rõ yêu cầu tư vấn của đối tượng, đặt câu hỏi để làm rõ nội dung của vụ việc ...

Để đảm bảo quá trình giao tiếp tốt, cần lưu ý một số điểm sau:

- 1 Nói rành mạch, dễ hiểu**
Nói dứt khoát, rõ ràng, ngắt câu đúng chỗ để người nghe có thể hiểu đúng ý của người nói. Tùy thuộc vào hoàn cảnh, sử dụng ngôn từ và giọng nói khác nhau, nhưng cần đảm bảo dễ hiểu; đặc biệt, các từ ngữ mang tính chuyên môn pháp lý cần phải được diễn giải đơn giản, dễ hiểu.
- 2 Không nói thao thao bất tuyệt, nói dài nhưng không rõ ý**
Giao tiếp là để trao đổi thông tin, nếu một bên nói dài, lan man mà không rõ ý sẽ khiến bên kia không hiểu người nói muốn nói gì, dẫn tới sự chán nản, hay có thể dẫn tới sự hiểu lầm nhau.
- 3 Lắng nghe, tôn trọng quan điểm của người khác**

Hãy lắng nghe một cách hiệu quả, trong đó lắng nghe cả giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể của người nói. Khi đó, người nghe sẽ thấy tin tưởng và cởi mở hơn và cung cấp thông tin được chi tiết và tốt hơn.

4 Nói đúng suy nghĩ của mình, kết hợp ngôn ngữ cơ thể

Cần phải trao đổi lại với người cung cấp thông tin nếu bản thân người nghe thấy chưa hiểu, để đảm bảo hiểu đúng những những gì người nói truyền đạt. Trong quá trình giao tiếp, cần phải thể hiện sự trung thực, cũng như nên sử dụng ngôn ngữ cơ thể như ánh mắt, nụ cười, gật đầu ... những điều này sẽ giúp cho quá trình giao tiếp được hiệu quả hơn.

Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp nói chung

- *Lắng nghe tích cực*: Đây là kỹ năng cần thiết trong quá trình giao tiếp với người đối diện, đặc biệt đối với NKT. Kỹ năng lắng nghe giúp tập trung lắng nghe những thông tin mà người nói muốn truyền tải, cung cấp, qua đó đảm bảo tiếp nhận thông tin đầy đủ, đúng với những gì mà người nói truyền tải.
- *Điều chỉnh phong cách giao tiếp với người nghe*: Tùy thuộc vào từng đối tượng để áp dụng phong cách và hình thức giao tiếp phù hợp.
- *Sự thân thiện trong giao tiếp*: Thể hiện ở sự chân thành và lòng tốt cũng như sự tôn trọng người nói.
- *Sự tự tin*: Khẳng định năng lực của bản thân, xây dựng niềm tin đối với người nói.
- *Âm lượng và sự rõ ràng*: Cần điều chỉnh âm lượng giọng nói phù hợp với bối cảnh và phù hợp với người nghe, đảm bảo sự rõ ràng và không để sót thông tin.
- *Sự đồng cảm và sự tôn trọng*: Bày tỏ cảm xúc, sự chia sẻ của mình với người nói; không làm gián đoạn quá trình giao tiếp để giao tiếp đạt hiệu quả cao.

Một số lưu ý cần tránh trong quá trình giao tiếp

Tự ý ngắt lời người nói. Nếu muốn thì cần phải thông báo cho người nói biết hoặc “xin phép” trước đó.

Thể hiện sự chê bai hay dùng những từ ngữ thể hiện sự kỳ thị, mỉa mai người nói.

Cố tình nói vòng vo, dài dòng, không thể hiện sự thiếu chú ý lắng nghe.

Khoanh tay, vừa nghe vừa xem đồng hồ, hay sử dụng điện thoại.

Nói quá to khi không cần thiết; cần có ngữ điệu, âm điệu phù hợp trong quá trình giao tiếp.

Gãi đầu, xoay ghế thể hiện sự không tập trung khi giao tiếp.

Hỏi lại người nói nhiều lần 1 thông tin mà đã được cung cấp trước đó.

Một số cụm từ thông dụng nên lưu ý:

Tích cực	Tiêu cực
Người khuyết tật trí tuệ; hội chứng tự kỷ	Chậm phát triển; Đao; Tâm thần; Điên
Người khuyết tật nhìn	Người bị mù; đui
Người khuyết tật	Què, cụt, tàn tật
Người khuyết tật nghe	Điếc, câm

Để giao tiếp hiệu quả với NKT, nên giao tiếp dựa trên tự tôn trọng, nghiêm túc và lịch sự. Một số nguyên tắc chung trong giao tiếp với NKT, cụ thể:

Không đưa ra giả định về NKT: Không nên tự cho rằng bản thân biết những gì NKT cần, muốn mà nên hỏi NKT để có được câu trả lời đúng nhất.

Yêu cầu trước khi bạn muốn giúp đỡ NKT: NKT thường muốn tự mình làm mọi việc và không muốn làm phiền người khác. Nếu muốn giúp đỡ họ, hãy hỏi họ trước.

Nói với âm lượng bình thường.

Nói chuyện trực tiếp với NKT thay vì nói với người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu hoặc người đi cùng.

Tránh những từ ngữ mang tính kỳ thị như: tàn tật, nạn nhân, què, cụt,...

Tôn trọng không gian cá nhân của NKT.

Nói chuyện với NKT

Thể hiện sự tôn trọng: Người khuyết tật cũng giống như người chưa khuyết tật, cần được tôn trọng, hãy đối xử với họ theo cách mà chúng ta muốn họ sẽ đối xử với chúng ta.



Không lên giọng với NKT: Không sử dụng những cử chỉ mang tính chất “bề trên” như vỗ lưng, xoa đầu NKT.

Thay vào đó thì nên nói với tốc độ chậm để NKT có thể nghe rõ và nghe hết những gì bạn buồn truyền tải. Ngoài ra, có thể hỏi lại NKT để xem họ có nghe được những gì mình nói hay không. Sử dụng những ngôn từ đơn giản, đặc biệt là những từ pháp lý, như vậy NKT sẽ dễ hiểu hơn.

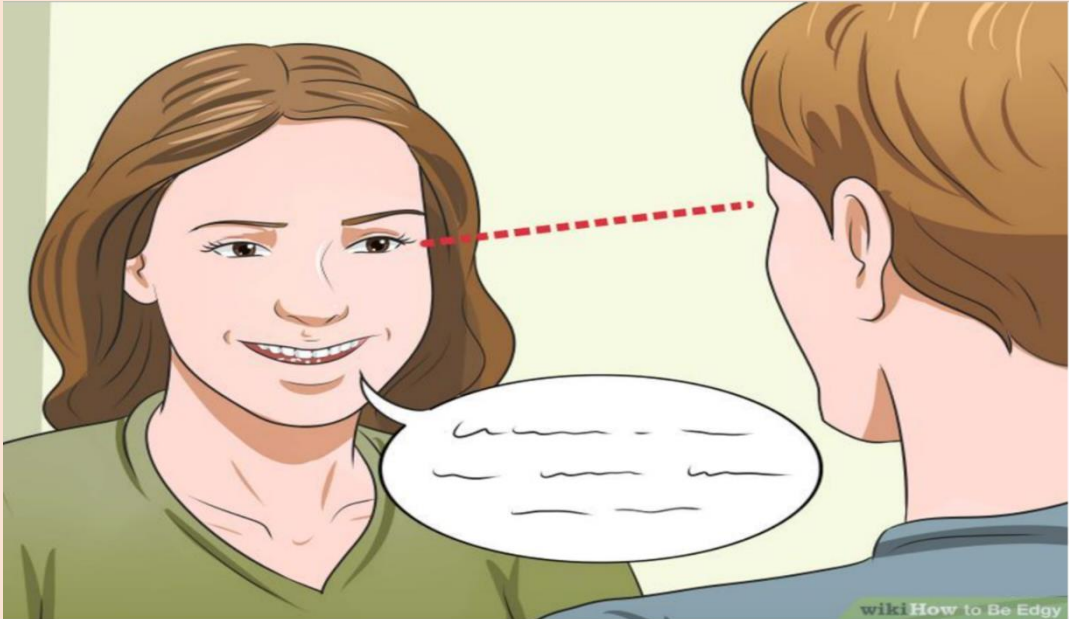
Nói chuyện trực tiếp, nhìn thẳng vào mắt NKT để nói chuyện

Kiên nhẫn và nên đặt câu hỏi (khi cần): hãy để NKT chủ động trình bày câu chuyện/vướng mắc của bản thân họ, đừng ngắt lời, như vậy sẽ dễ khiến NKT bị gián đoạn dòng kể; có thể hỏi lại NKT đối với những nội dung nào mà bạn thấy chưa hiểu.

Tương tác với NKT

- Đặt mình vào vị trí của NKT, không tập trung vào khuyết tật của họ, không nhìn chăm chăm vào mặt hay vào khuyết tật của NKT.
- Khi muốn giúp đỡ NKT thì hãy hỏi xem NKT có cần giúp đỡ không? Nếu cần, họ có thể hướng dẫn cách để bạn có thể giúp đỡ được.
- Không dựa người, chạm tay vào xe lăn khi NKT đang ngồi trên đó .

*** Một số lưu ý khi giao tiếp với người khuyết tật, cụ thể:**



a) Giao tiếp với người khuyết tật vận động (đặc biệt với những người phải sử dụng xe lăn)

- Nên ngồi ngang tầm mắt của người ngồi xe lăn khi nói chuyện, làm việc với họ.
- Không dựa vào xe lăn hay các thiết bị trợ giúp khác của NKT.
- Không nên vỗ vào đầu hoặc vai của người khuyết tật đang sử dụng xe lăn.
- Không tự ý đẩy xe lăn khi NKT chưa đồng ý.
- Hãy bắt tay với NKT, ngay cả khi người đó có sử dụng tay giả hoặc mất một cánh tay. Trong trường hợp không thể bắt tay thì hãy mỉm cười, cởi mở và thân thiện với NKT.
- Đối với người sử dụng nạng, khung tập đi, hoặc một số thiết bị hỗ trợ khác và cần phải sử dụng tay để giữ cân bằng, không nên nắm tay họ vì có thể khiến họ bị ngã.

- ...

b) Giao tiếp với người khuyết tật nghe

- Là người không nghe được, nên tốt nhất là có sự tham gia của người phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu, để đảm bảo hiệu quả của quá trình truyền tải thông tin.

- Hướng sự chú ý của người khiếm thính vào bạn khi giao tiếp bằng cách vẫy tay.

- Nhìn trực tiếp vào Người khiếm thính để nói chuyện, cho dù là có người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu ở đó. Nói chậm, rõ ràng, sử dụng những câu ngắn, đơn giản.

c) Giao tiếp với người khuyết tật nhìn

- Người khiếm thị có thể ngồi im lắng nghe trong một thời gian dài, có khả năng nhớ rất tốt.

- Hướng cuộc nói chuyện vào cá nhân người nghe.

- Nói với tốc độ vừa phải, đủ nghe.

- Mô tả cụ thể để người khiếm thị có thể hình dung được.

- Tránh đặt câu hỏi như Anh/ chị hãy kể lại nội dung mà anh/ chị đã nhìn thấy/ chứng kiến? ; hay câu hỏi: Anh/ chị hãy cho biết đây là vật dụng gì?

d) Giao tiếp với người khuyết tật trí tuệ

- Người khuyết tật trí tuệ thường có tâm lí hoang mang, lo lắng, sợ hãi, xấu hổ, không dám nói và không dám nhờ sự hỗ trợ từ người khác.

- Không dùng những từ ngữ mang tính chất trù tuông.

- Nên có sự tham gia của người giám hộ hoặc người bảo trợ, bởi có thể cần phải xác minh một số thông tin thông qua người giám hộ hoặc người bảo trợ.

d) Người có khuyết tật nói

- Nên tập trung lắng nghe, không ngắt lời họ.

- Tạo môi trường yên tĩnh trong quá trình giao tiếp.

- Giao tiếp với âm lượng vừa đủ.

10 chú ý khi giao tiếp với NKT

1. Khi nói chuyện với NKT, nên ưu tiên nói trực tiếp với người đó, trong trường hợp cần thiết thì nên thông qua phiên dịch ngôn ngữ hay người đi cùng
2. Bắt tay NKT (dù là tay giả hay tay trái)
3. Nên gọi tên của NKT trước khi bạn muốn hỏi họ điều gì
4. Nếu muốn giúp đỡ NKT, hãy hỏi họ trước và chỉ làm khi NKT đồng ý
5. Đối xử với NKT đúng với độ tuổi của họ, xưng hô với NKT giống như đối với người không khuyết tật
6. Không bám hoặc dựa người vào xe lăn của NKT
7. Hãy lắng nghe một cách chăm chú khi nói chuyện với người có khó khăn về ngôn ngữ. Kiên nhẫn chờ tới khi họ kết thúc câu chuyện, không nên ngắt lời giữa chừng hoặc nói hộ phần của họ
8. Khi nói chuyện với người sử dụng xe lăn hoặc người dùng nạng, nên đứng ngang tầm mắt và đứng trước mặt người khuyết tật
9. Muốn thu hút được sự chú ý của người khiếm thính, hãy vỗ nhẹ lên vai họ hoặc vẫy tay ra hiệu. Hãy nhìn thẳng vào mắt họ, nói rõ ràng, tốc độ nói chậm
10. Hãy thật thoải mái khi giao tiếp với NKT

1.2. Kỹ năng lắng nghe

Đây là một giai đoạn của giao tiếp. Lắng nghe giúp tăng cường sự thấu hiểu và mở rộng khả năng đồng cảm, chủ động trong việc phản hồi đúng và phù hợp. Ngoài ra, lắng nghe để nắm bắt nội dung của vấn đề, thu thập được nhiều thông tin, đánh giá nội dung thông tin và tương tác qua lại trong quá trình diễn đạt.

Đây cũng là kỹ năng quan trọng của người thực hiện TGPL trong các vụ việc nói chung và các vụ việc của NKT nói riêng. Việc lắng nghe tốt sẽ giúp cho người thực hiện TGPL hiểu được câu chuyện đầy đủ của NKT, qua đó thấu hiểu được những băn khoăn lo lắng mà NKT gặp phải.

Trong quá trình trợ giúp pháp lý cho NKT, người trợ giúp pháp lý cần đảm bảo kỹ năng lắng nghe hiệu quả để đảm bảo quá trình trợ giúp pháp lý được tốt, cụ thể:



Điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể: Khi tích cực lắng nghe, hãy cúi nhẹ người về phía trước và nhìn thẳng vào mắt họ. Nụ cười thân thiện và những cái gật đầu sẽ cho thấy bạn đang quan tâm và chú ý lắng nghe.

Tập trung vào đối tượng giao tiếp/ Đối mặt với người nói và duy trì tiếp xúc bằng mắt: Chú tâm lắng nghe người đang nói, không vừa nghe vừa làm việc khác, như thế sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả của việc tiếp nhận thông tin, cũng như khiến người nói có cảm giác thiếu được tôn trọng.

Không ngắt lời giữa chừng: Khi NKT đang trình bày vấn đề mà họ cần hỗ trợ, hãy nghe hết câu chuyện của họ, đừng ngắt lời giữa chừng, vì sẽ có khả năng khiến NKT bỏ sót ý hoặc họ sẽ trình bày sang vấn đề khác.

Đặt câu hỏi: Điều này rất quan trọng, đặc biệt trong quá trình thu thập thông tin từ NKT. Việc đặt câu hỏi đúng thời điểm sẽ thể hiện sự chú tâm vào nội dung mà NKT trình bày, giúp làm rõ vấn đề, có thêm thông tin, giúp quá trình đưa ra phương án trợ giúp pháp lý được tốt hơn.

Đồng cảm với người nói: Việc lắng nghe không chỉ qua đôi tai, mà còn cần qua ánh mắt và trái tim và thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ của bạn với người nói. Tránh đưa ra ý kiến chủ quan vội vàng nhận định về những gì mà mình mới nghe.

Tôn trọng NKT: Không nên phản ứng trước những lời nói tức giận của NKT, không nên để cho cảm xúc của người nói tác động quá mạnh đến tình cảm của người TGPL; Người TGPL cần biết tự kiềm chế. Không nên có điệu bộ, cử chỉ, lời nói tỏ thái độ phủ định hay khó chịu đối với NKT khi NKT đang trình bày.

1.3. Kỹ năng đặt câu hỏi

Đây là một trong những kỹ năng quan trọng của người thực hiện TGPL trong quá trình hành nghề, nhằm khai thác thông tin trong cuộc nói chuyện. Thông thường, người thực hiện TGPL sử dụng 02 dạng câu hỏi, cụ thể:

- **Câu hỏi đóng:** Đây là loại câu hỏi nhằm khẳng định thông tin và thường không nhận thông tin nào thêm. Dạng câu hỏi này thường đi với các cụm từ như “có”, “phải không”, “đúng không”...; câu trả lời thường sẽ là “có” hoặc “không”.



Ví dụ:

- Anh có nhận được tiền trợ cấp xã hội không?
- Anh có được thông báo về thủ tục để được xác định mức độ khuyết tật không?
- Có đúng là anh không nhận được bất cứ thông tin gì?

Không nên sử dụng nhiều câu hỏi đóng, bởi với loại câu hỏi này, thông tin thu được thường rất hạn chế, chỉ nên sử dụng trong trường hợp cần xác minh/ khẳng định lại thông tin/ dữ liệu của câu chuyện mà NKT chia sẻ

- **Câu hỏi mở:** Đây là loại câu hỏi thường được dùng để thu thập thông tin, bởi với loại câu hỏi này, lượng thông tin được NKT trình bày sẽ nhiều, và NKT cũng dễ kể sự việc mà họ muốn được trợ giúp. Loại câu hỏi này thường có các cụm từ “như thế nào?”, “khi nào?” ...,

ví dụ:

- Sự việc xảy ra như thế nào?
- Chị bị cướp ở khu vực nào? Diễn ra trong bối cảnh như thế nào?

- **Câu hỏi dẫn dắt:** Đây là dạng câu hỏi nhằm dẫn dắt người nói tiếp tục câu chuyện để giúp người thực hiện TGPL có thể lắng nghe, xem xét tổng thể, khách quan hơn về câu chuyện đang được NKT chia sẻ. Loại câu hỏi này thường có các cụm từ như: “Thế còn.... Thì sao?”, “Bạn có thể nói thêm về...?”

Lưu ý:

- Nên sử dụng nhiều câu hỏi mở
- Nên thể hiện mối quan tâm, chân thành khi hỏi
- Nên dùng những câu hỏi đơn, hỏi lần lượt từng câu hỏi một
- Nên dùng những ngôn từ dễ hiểu trong khi hỏi
- Tránh dùng những câu hỏi dễ gây hiểu lầm
- Khi cần có những câu hỏi tế nhị, cần phải giải thích lý do tại sao lại hỏi những câu hỏi đó để NKT hiểu
- Nếu NKT không hiểu câu hỏi thì hãy hỏi lại họ bằng một câu hỏi khác đơn giản, dễ hiểu hơn

Việc sử dụng câu hỏi hợp lý cho phép người thực hiện TGPL khai thác được nhiều thông tin hơn trong một khoảng thời gian nhất định. Mặt khác, thông qua việc trả lời các câu hỏi, người thực hiện TGPL có thể hiểu sâu hơn về câu chuyện, vụ việc mà NKT đang chia sẻ, đồng thời hiểu hơn về mong muốn nhu cầu của NKT.

1.4. Kỹ năng khuyến khích, động viên

Khuyến khích, động viên sẽ giúp NKT có được sự cảm thông, can đảm để sẵn sàng cung cấp những thông tin của vụ việc.

Có thể thực hiện khuyến khích động viên qua giao tiếp bằng lời: nhấn mạnh vào những điểm họ tốt để khen ngợi, khuyến khích họ, ví dụ: “anh/chị nói rất đúng”, “mình đã làm rất tốt”; hay cũng có thể khuyến khích động viên qua giao tiếp phi ngôn từ, như đặt tay lên tay NKT để thể hiện sự chia sẻ cảm thông, gật đầu khi NKT nói, ...

Lưu ý:

- Không nên khiển trách vì những phản ứng của NKT
- Không nên nói với NKT bằng giọng bẽ trên khuyên bảo hoặc thuyết giảng. Tránh biểu cảm khiến NKT nghĩ rằng họ đang bị coi thường
- Không nên sử dụng ngôn từ khó hiểu hoặc lời giải thích phức tạp làm cho NKT hoang mang, mất tự tin
- Không nên sử dụng những câu hỏi kiểu như chất vấn, đổ lỗi, vì những câu hỏi này sẽ khiến NKT hoang mang và thiếu tự tin, thậm chí không muốn tiếp tục chia sẻ.

2. Một số kỹ năng kỹ thuật/chuyên môn

MỤC TIÊU	NỘI DUNG THỰC HIỆN	LƯU Ý/ KỸ NĂNG
Tiếp xúc ban đầu với người được TGPL, xây dựng niềm tin		
NKT cảm thấy tin tưởng và cởi mở Có được đầy đủ thông tin để hiểu và hỗ trợ NKT	Giới thiệu bản thân: Giới thiệu ngắn gọn về tên, tuổi, địa chỉ, vị trí của mình. Giúp NKT có niềm tin để giới thiệu về họ. Giải thích quyền được TGPL: Cung cấp thông tin để NKT có khó khăn về tài chính hiểu rằng họ được TGPL miễn phí; chia sẻ với NKT về quyền và nghĩa vụ của NKT.	Lưu ý: áp dụng đầy đủ các yêu cầu cơ bản khi thực hiện TGPL như: Thấu hiểu các quyền con người, thấu hiểu và cảm thông, lấy NKT làm trung tâm, bảo đảm bí mật và an toàn thông tin, thể hiện hình ảnh người thực hiện TGPL tận tâm vì công việc. Kỹ năng: Vận dụng các kỹ năng đã được phân tích ở những phần trên như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng khuyến khích động viên.
	Giải thích về quyền được TGPL: Chia sẻ với NKT có	Lưu ý: Thấu hiểu các quyền con người, thấu hiểu và cảm thông, lấy

	<p>khó khăn về tài chính về quyền và nghĩa vụ của họ để họ tin rằng đến với dịch vụ TGPL họ sẽ được TGPL và đề nghị họ không nên từ chối nếu được hỗ trợ.</p>	<p>NKT làm trung tâm, bảo đảm bí mật và an toàn thông tin. Nội dung: Khi giải thích quyền cần dùng ngôn ngữ như đã đề cập ở trên; hãy cho họ hiểu rằng họ được quyền hưởng TGPL và không có sự phân biệt đối xử; hãy lựa chọn nơi tiếp nhận mà chỉ có NKT và người thực hiện TGPL có thể nghe được câu chuyện.</p>
	<p>Xác định yêu cầu, mong muốn được TGPL: Hãy dành thời gian để NKT có khó khăn về tài chính chủ động tường thuật lại những vấn đề mà họ cần, cũng như khuyến khích họ kể lại sự việc theo cách của họ; đặt câu hỏi để làm rõ nội dung của sự việc cũng như hiểu thêm mong muốn của NKT.</p>	<p>Nguyên tắc: Thấu hiểu các quyền con người, thấu hiểu và cảm thông, lấy NKT làm trung tâm, bảo đảm bí mật và an toàn thông tin. Kỹ năng: Vận dụng các kỹ năng đã được phân tích ở những phần trên như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng khuyến khích động viên.</p>
<p>Kiểm tra đánh giá yêu cầu, trả lời ngay hoặc từ chối thụ lý</p>		
<p>Xác định chính xác cơ sở pháp lý để thực hiện TGPL</p>	<p>Trả lời ngay cho người được TGPL khi yêu cầu TGPL đơn giản; Trả lời ngay về vụ việc có được thụ lý không; Từ chối thụ lý trong một số trường hợp cụ thể.</p>	<p>Lưu ý: Thấu hiểu các quyền con người, thấu hiểu và cảm thông, lấy NKT làm trung tâm, bảo đảm bí mật và an toàn thông tin. Kỹ năng: Vận dụng kỹ năng giao tiếp đã được phân tích ở phần trên Nội dung: Thông tin cho NKT có khó khăn về tài chính về đủ điều kiện để thụ lý hoặc cần phải bổ sung tài liệu liên quan; Giải thích, hướng dẫn chi tiết cụ thể cho NKT để giảm bớt số lần đi lại cho họ; Cần phải hỏi lại NKT xem họ có hiểu, thắc mắc gì không khi nhận được thông báo là không thể thụ lý trường hợp của họ.</p>
<p>Thụ lý vụ việc</p>		
<p>NKT có khó khăn về tài chính được hưởng dịch vụ TGPL tốt</p>	<p>Phân công người thực hiện TGPL phù hợp; tiến hành ghi sổ thụ lý, theo dõi thực hiện vụ việc.</p>	<p>Lưu ý: Thấu hiểu các quyền con người, thấu hiểu và cảm thông, lấy NKT làm trung tâm. Kỹ năng: Thụ lý trong ngày khi đủ điều kiện; giới thiệu năng lực, trình</p>

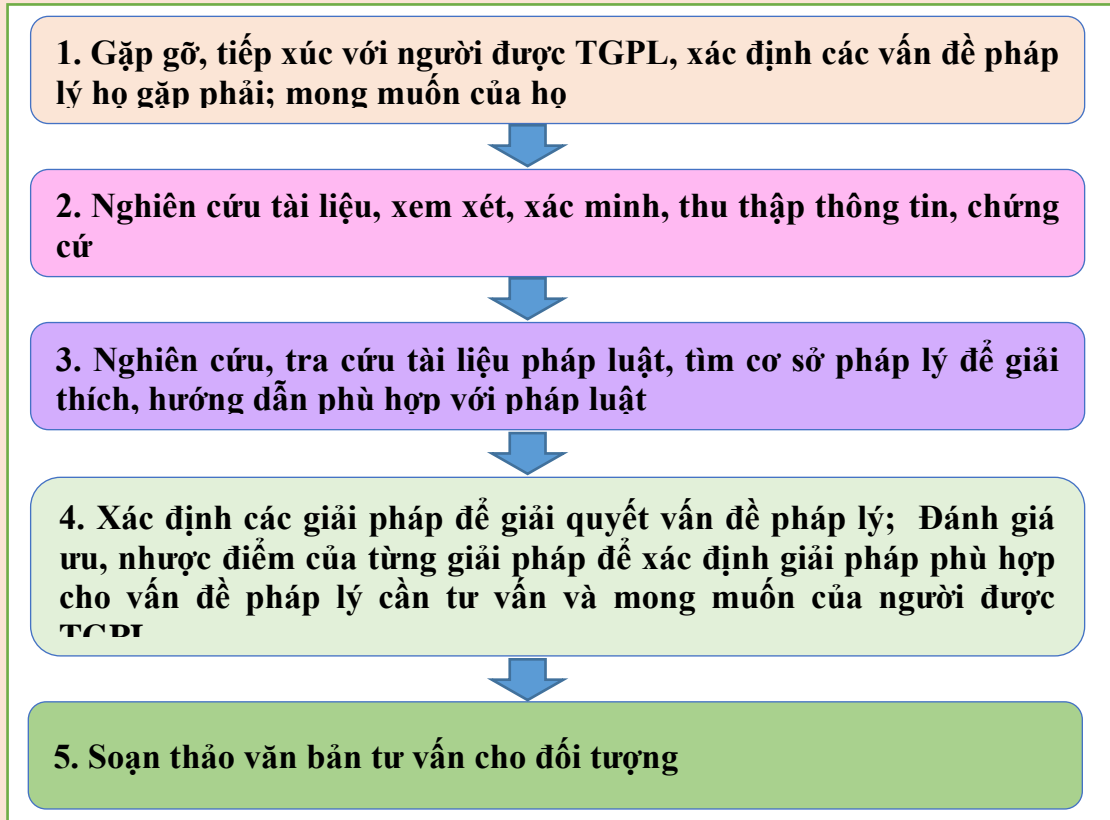
<p>nhất</p>		<p>độ, uy tín của người thực hiện TGPL; người thực hiện TGPL khi được phân công cần đăng ký báo chữa, bảo vệ sớm để bắt tay vào TGPL kịp thời.</p>
<p>Thực hiện vụ việc</p>		
	<p>Xây dựng kế hoạch thực hiện Xác định các việc cần làm như giúp NKT có khó khăn về tài chính soạn thảo đơn từ; lên kế hoạch cho việc gặp gỡ các cơ quan liên quan (nếu cần) theo như mục đích của công việc; và giữ liên lạc thường xuyên với NKT trong quá trình thực hiện. Xác định những khó khăn, thách thức trong thực hiện TGPL: tâm lí, phong tục tập quán, những quy định của pháp luật hay phong tục đi lại, ngôn ngữ, ... Giới thiệu, kết nối với các dịch vụ khác (nếu cần).</p>	<p>Lưu ý: áp dụng đầy đủ các yêu cầu cơ bản khi thực hiện TGPL như: Thấu hiểu các quyền con người, thấu hiểu và cảm thông, lấy NKT làm trung tâm, bảo đảm bí mật và an toàn thông tin, thể hiện hình ảnh người thực hiện TGPL tận tâm vì công việc. Kỹ năng: Theo từng hình thức TGPL cụ thể/</p>

2.1. Kỹ năng tư vấn pháp luật

Tư vấn pháp luật có thể hiểu là hoạt động nhằm cung cấp ý kiến pháp lý theo yêu cầu của người tư vấn. Kỹ năng tư vấn pháp luật được hiểu là khả năng của người thực hiện tư vấn vận dụng kiến thức pháp luật, đạo đức xã hội và kinh nghiệm cuộc sống để hướng dẫn, giải đáp, đưa ra ý kiến, cung cấp thông tin pháp luật, soạn thảo văn bản liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý nhằm giúp cho người được tư vấn biết cách xử sự hoặc giải quyết những vấn đề vướng mắc pháp luật của mình phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người trợ giúp pháp lý tư vấn cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hoà giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc (Khoản 1 Điều 32 Luật Trợ giúp pháp lý).

*** Các bước của quá trình tư vấn**



2.1.1. Gặp gỡ, tiếp xúc với người được TGPL, xác định các vấn đề pháp lý họ gặp phải và mong muốn của NKT

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xác định mục tiêu của mình cho từng cuộc tiếp xúc với người được TGPL, dù là lần đầu hay đã tiếp xúc nhiều lần,. Các mục tiêu tiếp xúc thường đa dạng, như:

a. Xác định mục tiêu của cuộc tiếp xúc:

- Hình thành được mối quan hệ tin cậy giữa người được TGPL và người thực hiện TGPL
- Trao đổi, tiếp nhận thông tin từ phía người được TGPL, người thực hiện TGPL
- Giúp người được TGPL có thể đưa ra các quyết định phù hợp với quy định pháp luật

- Giải quyết những công việc pháp lý phù hợp mà người được TGPL cần từ người thực hiện TGPL

b. Kỹ năng: Áp dụng các kỹ năng như giao tiếp, lắng nghe, đặt câu hỏi (đã được cụ thể ở phần trên)

c. Ghi chép

Đây là một kỹ năng quan trọng trong quá trình hành nghề. Khi tiếp xúc với người được TGPL, người thực hiện TGPL cần ghi chép lại để có thể dựa vào đó mà tư vấn. Tuy nhiên, người thực hiện TGPL cũng không nên tập trung vào ghi chép mà thiếu đi sự giao lưu, đặt câu hỏi trong quá trình tiếp xúc. Trong quá trình tiếp xúc, người thực hiện TGPL cần kiểm tra lại các ghi chép của mình và hỏi lại người được TGPL những vấn đề có thể còn. Thiếu, chưa lợp lý mà người thực hiện TGPL phát hiện từ những ghi chép.

d. Kỹ năng yêu cầu NKT có khó khăn về tài chính cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ việc

Sau khi đã nắm được sơ lược vấn đề người được TGPL cần giải quyết, người thực hiện TGPL có thể đề nghị khách hàng cung cấp thông tin từ hai hay nhiều phía để có thể hiểu vấn đề một cách toàn diện và thấu đáo hơn

Sau khi NKT có khó khăn về tài chính đã cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu có liên quan, người tư vấn cần dành thời gian đọc, nghiên cứu các tài liệu, trong khi đọc có thể đồng thời hình thành luôn giải pháp trên cơ sở sắp xếp các tài liệu theo tầm quan trọng của vấn đề đưa ra.

2.1.2. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc, xác định vấn đề tư vấn

Trong quá trình tư vấn pháp luật, người tư vấn phải giải đáp pháp luật, cung cấp thông tin pháp luật về quyền và nghĩa vụ của NKT có khó khăn về tài chính, đưa ra những căn cứ pháp lý giải đáp những vướng mắc pháp luật của họ. Để đưa ra lời tư vấn pháp luật chính xác, việc tra cứu tài liệu pháp luật trong quá trình tư vấn là điều kiện bắt buộc bởi vì:

- Khẳng định với NKT có khó khăn về tài chính rằng người tư vấn đang thực hiện tư vấn theo pháp luật, trên cơ sở pháp luật chứ không phải theo cảm tính chủ quan, duy ý chí của mình

- Việc tra cứu tài liệu pháp luật có liên quan đến vụ việc tư vấn sẽ giúp người tư vấn kiểm tra tính chính xác những tư duy và khẳng định chính thức những lời tư vấn của mình là đúng pháp luật.

Trong quá trình xem xét, xác minh vụ việc đòi hỏi người tư vấn phải thực sự khách quan, tế nhị, nhất là khi tiếp xúc với các cơ quan đã giải quyết vụ việc hoặc bên có lợi ích đối kháng trong vụ việc tranh chấp.

2.1.3. Kỹ năng nghiên cứu, tra cứu tài liệu pháp luật, tìm cơ sở pháp lý để giải thích, hướng dẫn phù hợp với pháp luật

Ở bước này, người thực hiện TGPL cần xác định vấn đề của người được TGPL thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định pháp luật nào và giải pháp pháp lý nào là thích hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh các quy định của pháp luật Việt Nam thường xuyên thay đổi, thì người thực hiện TGPL cần nghiên cứu, tra cứu, rà soát các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính phù hợp pháp luật và có thể đem lại thêm giải pháp khác.

2.1.4. Xác định các giải pháp để giải quyết vấn đề pháp lý; Đánh giá ưu, nhược điểm của từng giải pháp để xác định giải pháp phù hợp cho vấn đề pháp lý cần tư vấn và mong muốn của người được TGPL

- Sau khi đã có đầy đủ thông tin về vấn đề và xác định được quy phạm áp dụng, người thực hiện TGPL cần đề xuất một hoặc một số giải pháp pháp lý cho người được TGPL để giải quyết vấn đề.

- Người thực hiện TGPL cần có đánh giá ưu điểm, nhược điểm của từng giải pháp để người được TGPL lựa chọn giải pháp tối ưu hoặc phòng ngừa được các rủi ro có thể xảy ra khi thực hiện giải pháp được lựa chọn.

- Sau khi đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của từng giải pháp, người thực hiện TGPL sẽ tư vấn cho người được TGPL giải pháp pháp lý phù hợp nhất theo quan điểm của người thực hiện TGPL và mong muốn của họ. Người được TGPL cũng có thể lựa chọn giải pháp khác trong số các giải pháp mà người thực hiện TGPL đã đưa ra hoặc NKT có thể chọn giải pháp riêng của mình.

2.1.5. Kỹ năng soạn thảo phương án tư vấn pháp luật

Đây là bước cuối cùng của quá trình tư vấn, được thể hiện bằng việc người tư vấn đưa ra phương án tư vấn để trả lời yêu cầu tư vấn của NKT có khó khăn về tài chính. Một phương án tư vấn pháp luật cho NKT có khó khăn về tài chính cần phải đảm bảo một số nội dung cơ bản sau:

- Tóm tắt nội dung, câu hỏi của người được TGPL.
- Căn cứ pháp lý, nội dung quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề được yêu cầu tư vấn.

- Giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với từng hành vi trong hoàn cảnh cụ thể khi tham gia vào các quan hệ xã hội mà pháp luật cho phép hay ngăn cấm.

- Đưa ra những phương án, định hướng giúp NKT có khó khăn về tài chính lựa chọn hành vi xử sự của mình cho phù hợp với pháp luật và thực hiện những giải pháp bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách tốt nhất.

Nguyên tắc thực hiện tư vấn pháp luật trong hoạt động TGPL

Nguyên tắc pháp chế	Thực hiện tư vấn pháp luật phải tuân thủ đúng quy trình, thủ tục mà pháp luật đã quy định. Nội dung tư vấn pháp luật phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội
Nguyên tắc cụ thể	Nội dung tư vấn phải đảm bảo sự dễ hiểu, rõ ràng, cụ thể.
Nguyên tắc bảo đảm tính khả thi	Nội dung tư vấn, phương án tư vấn phải đảm bảo có khả năng áp dụng/ thực hiện trong thực tế và NKT có khả năng thực hiện được
Nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời	Tiến hành tư vấn pháp luật đúng theo quy định về thời hạn đã được quy định trong Luật TGPL. Đối với những trường hợp có liên quan tới thời hiệu được pháp luật quy định thì phải tư vấn nhanh chóng, đảm bảo thời hiệu giải quyết vụ việc của người được trợ giúp pháp lý (người khuyết tật)

Một số lưu ý khi tiến hành Tư vấn pháp luật cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính

NKT là người có hoàn cảnh khó khăn cả về vật chất và tinh thần; hạn chế trong tiếp cận các cơ hội, trong đó có cả cơ hội được học tập, dẫn tới hạn chế trong nhận thức pháp luật. Vì vậy, khi NKT có khó khăn về tài chính cung cấp thông tin yêu cầu được TGPL, thường cung cấp các thông tin không theo trình tự, trình bày theo trí nhớ đơn thuần, và cũng rất hạn chế trong việc nắm bắt, hiểu những từ ngữ mang tính pháp lý. Chính vì vậy, NKT có khó khăn về tài chính khi gặp vướng mắc pháp luật, họ thường kỳ vọng vào người tư vấn, mong được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, trong quá trình tư vấn, TGVPL cần:

- Coi NKT có khó khăn về tài chính là người bạn của mình, trước khi coi họ là khách hàng;

- Xây dựng mối quan hệ tốt với NKT có khó khăn về tài chính dựa trên cơ sở chân thực, hợp tác bền vững;

- Phải xây dựng được sự tin tưởng của NKT có khó khăn về tài chính vào chất lượng TGPL của tổ chức thực hiện TGPL;

- Khẳng định trách nhiệm của TGPL là hỗ trợ NKT có khó khăn về tài chính giải quyết những vướng mắc, bất cập đối với pháp luật;
- Kiên nhẫn lắng nghe NKT có khó khăn về tài chính trình bày yêu cầu của họ một cách trung lập và phải hỏi lại nếu thông tin nào người tư vấn thấy chưa rõ ràng hoặc cần bổ sung thêm;
- Nên giữ liên lạc với NKT có khó khăn về tài chính kể cả sau khi kết thúc quá trình tư vấn, tạo dựng và duy trì niềm tin của họ đối với hoạt động TGPL.

Một số tình huống cụ thể

Tình huống 1

Chị Hà là Người khuyết tật vận động lại thuộc hộ nghèo. Năm ngoái chị sinh cháu nhưng không có bố. Chị được xác định là khuyết tật đặc biệt nặng. Hiện nay mẹ con chị Hà đang được bà Hiền là hàng xóm tốt bụng chăm sóc hàng ngày. Không những là khuyết tật đặc biệt nặng, chị Hà còn thuộc diện hộ nghèo. Nhưng chị chưa bao giờ được nhận bất cứ hỗ trợ gì. Qua thông tin được biết Trung tâm TGPL có thể TGPL cho chị nên chị đã tìm tới và đề nghị được trợ giúp. Anh/ chị hãy tư vấn cho chị Hà.

Câu hỏi phân tích:

- **Cần phải thu thập những thông tin gì?**
- **Chị Hà cần phải cung cấp những loại hồ sơ giấy tờ gì để được tư vấn?**
- **Quy trình tư vấn cụ thể cho chị Hà?**

Tình huống 2

Anh Tiến là người khuyết tật nặng có khó khăn về tài chính. 8 tháng trước anh được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xác định anh là người bị suy giảm khả năng lao động 79% và thuộc diện khuyết tật nặng. Với giấy xác nhận này, anh đã làm thủ tục để nhận trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng. Anh nhận được mức trợ cấp là 180.000đ/tháng. Trong khi đó, người khuyết tật khác ở gần nhà anh được xác định suy giảm khả năng lao động trên 70% như anh Tiến nhưng lại đang được hưởng mức trợ cấp là 270.000đ/tháng. Anh Tiến tìm tới Trung tâm TGPL để yêu cầu phía trung tâm bảo vệ quyền lợi cho anh. Anh/ chị sẽ làm gì để bảo vệ quyền lợi cho anh Tiến?

Câu hỏi phân tích:

- **Anh Tiến cần phải cung cấp những loại hồ sơ giấy tờ gì liên quan?**
- **Các bước để tiếp nhận tư vấn cho anh Tiến như thế nào?**
- **Trong trường hợp này, sẽ tư vấn cho anh Tiến như thế nào?**

Tình huống 3

Con trai chị Lan bị teo chân trái bẩm sinh, năm nay cháu 5 tuổi. Mấy tháng trước, ở xã có tổ chức rà soát lại số người khuyết tật để làm thủ tục trợ cấp. Cán bộ xã đã tới nhà chị Lan để hỏi về tình trạng của con chị. Sau khi thu thập thông tin cán bộ xã thông báo là con chị thuộc diện khuyết tật nhẹ nên không thuộc diện được làm hồ sơ nhận trợ cấp. Chị Lan thấy không thuyết phục nên đi tìm sự trợ giúp.

Với tư cách là người tư vấn, anh/ chị sẽ tư vấn trong trường hợp này như thế nào?

Câu hỏi phân tích:

- **Chị Lan cần đưa con trai chị đi giám định tỉ lệ thương tật ở đâu?**
- **Chị Lan cần phải cung cấp những giấy tờ gì?**
- **Quy trình tư vấn cho chị Lan như thế nào?**

2.2. Kỹ năng tham gia hoạt động tổ tụng hình sự**2.2.1. Một số quy định chung của pháp luật hình sự liên quan tới quyền của NKT**

Thứ nhất, pháp luật hình sự Việt Nam quy định Người trong tình trạng mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi không bị coi là tội phạm và không phải chịu trách nhiệm hình sự. (Điều 21 Bộ luật hình sự năm 2015).

Luật hình sự Việt Nam quy định tội phạm và hình phạt áp dụng cho người phạm tội thông qua các văn bản pháp luật hình sự, với nguyên tắc một người chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong bộ luật hình sự. Tinh thần này được thể hiện trong Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, “tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự... thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý...xâm phạm tới quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân ...”(Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015). Như vậy, đối với những người không đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện sẽ không bị coi là tội phạm và không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, người trong tình trạng mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thực hiện hành vi phạm tội bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.(Điều 49 bộ luật hình sự năm 2015). Cụ thể, đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh tâm thần (tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự) thì Viện kiểm sát hoặc toà án có thể quyết định đưa họ vào một số cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Đối với người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng trước khi bị kết án đã mắc phải bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì Toà án có thể

quyết định đưa họ vào một số cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự.

Thứ ba, người khuyết tật phạm tội được bộ luật hình sự năm 2015 quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể tại Điều 51 của bộ luật hình sự quy định “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng” và “người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”.

2.2.2. Một số quy định liên quan đến NKT trong bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Thứ nhất, NKT bị cáo buộc phạm tội có quyền bào chữa như những người bị cáo buộc phạm tội khác với nội hàm họ được quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa cho họ. Theo nội hàm của các Điều luật, từ Điều 57 tới điều 61 của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bào chữa là quyền, vì vậy mọi người có quyền sử dụng quyền tự bào chữa hoặc không sử dụng. Tuy nhiên, đối với NKT, trong trường hợp họ từ chối quyền bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vẫn phải có trách nhiệm chỉ định người bào chữa cho họ (Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự).

Thứ hai, trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải cử người phiên dịch cho người bị khuyết tật khi họ không sử dụng được tiếng Việt.

2.2.3. Các kỹ năng của người thực hiện TGPL bảo vệ quyền lợi cho NKT có khó khăn về tài chính trong các vụ án hình sự

Trên cơ sở những quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đảm bảo những việc phải làm, cụ thể như sau:

Giai đoạn	Nội dung cần phải làm
Giai đoạn điều tra	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ NKT có khó khăn về tài chính viết đơn - Chia sẻ, động viên NKT có khó khăn về tài chính tích cực tham gia vào giai đoạn điều tra - Thông báo, trao đổi với NKT có khó khăn về tài chính những thông tin liên quan tới quyền và nghĩa vụ của NKT, các thủ tục tố tụng - Hỗ trợ NKT có khó khăn về tài chính trong quá trình giám định tỉ lệ thương tật (nếu có) - Tham gia các hoạt động của giai đoạn điều tra (gặp gỡ, lấy lời khai, giám định tỉ lệ thương tật ...) - Thu thập chứng cứ, lời khai của những người liên quan, tài liệu chứng minh cho quyền của họ,... - Phối hợp với Hội NKT, giới thiệu/yêu cầu người phiên dịch ngôn

	<p>ngữ ký hiệu với cơ quan điều tra (đối với những trường hợp cần phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu,...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo áp dụng kịp thời những biện pháp bảo vệ phù hợp
Giai đoạn truy tố	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ, cung cấp thông tin, bằng chứng có liên quan đến vụ việc/ vụ án để phối hợp với cơ quan kiểm sát đảm bảo cáo trạng thoả đáng - Cung cấp thông tin về quá trình tố tụng cho NKT có khó khăn về tài chính, chia sẻ, động viên tinh thần của NKT - Tiếp tục thực hiện những công việc khác có liên quan tới vụ việc/ vụ án mà mình đang trợ giúp để có thêm chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NKT có khó khăn về tài chính
Giai đoạn xét xử	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi để làm rõ nội dung của vụ việc/ vụ án - Yêu cầu sự có mặt của người làm chứng (khi cần) - Trình bày bản luận cứ bảo vệ - Động viên tinh thần NKT có khó khăn về tài chính - Đề nghị áp dụng những biện pháp phù hợp để NKT có khó khăn về tài chính có thể tham gia suốt thời gian diễn ra phiên tòa - Yêu cầu người phiên dịch ngôn ngữ phù hợp - Hỗ trợ NKT có khó khăn về tài chính kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu nhận thấy việc xét xử chưa bảo đảm sự công bằng, đúng quy định của pháp luật

Kỹ năng tiếp xúc với người khuyết tật

- Áp dụng những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi (đã được đề cập cụ thể ở phần trên)
- Người thực hiện TGPL cần dự liệu được những khả năng có thể xảy ra trong tiến trình điều tra vụ án
- Tập trung làm rõ những tình tiết quan trọng để làm rõ sự thật khách quan của vụ án

Kỹ năng tham gia một số hoạt động điều tra

- Lấy lời khai, đối chất, nhận dạng,...: phải có kỹ năng theo dõi diễn biến của quá trình điều tra, xem điều tra viên có thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật hay không, từ đó có thể đưa ra những yêu cầu đối với điều tra viên nhằm bảo vệ quyền lợi cho người được trợ giúp pháp lý; theo dõi hoạt động thực nghiệm điều tra có được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do bộ luật tố tụng hình sự quy định hay không, có xâm phạm tới quyền của người được trợ giúp pháp lý không ...

Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ

- Kỹ năng thu thập thông tin từ cơ quan tiến hành tố tụng: Có thể chủ động liên hệ, đặt lịch để đăng ký nghiên cứu hồ sơ. Cần xem xét danh mục tổng thể có trong hồ sơ vụ án, tiến hành sao chụp hồ sơ
- Phương pháp nghiên cứu hồ sơ: Cần phải lưu ý tới thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố và bắt giam bị can, thẩm quyền giữ, khám xét, thu giữ vật chứng, tài liệu... của vụ án; các thủ tục liên quan tới trung cầu, giám định; các thủ tục liên quan tới việc đối chất,

xác minh cũng như các tài liệu trao đổi về tố tụng giữa các cơ quan có thẩm quyền; Ngoài ra cần lưu ý kiểm tra, đối chiếu nội dung giữa cáo trạng và kết luận điều tra, kết luận điều tra bổ sung, xác định tội danh, khung hình phạt... hay nghiên cứu lời khai của các bị can khác, nhân chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Kỹ năng chuẩn bị các tài liệu liên quan phục vụ cho việc bảo vệ

Cần phải lưu ý chuẩn bị tốt một số tài liệu:

- Văn bản pháp luật liên quan: Luật, Nghị định, thông tư, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán, ...
- Các tài liệu khác: Tài liệu liên quan tới nhân thân của bị cáo, bị hại và các tài liệu liên quan tới tình tiết của vụ án hoặc để phục vụ cho việc chuẩn bị bản luận cứ bảo vệ

Kỹ năng chuẩn bị luận cứ bảo vệ

Bản luận cứ bảo vệ cần phải thể hiện được một số nội dung cơ bản sau:

- Nguyên nhân, bối cảnh xảy ra vụ án, tính chất nghiêm trọng cho xã hội và hành vi thực hiện tội phạm, mối quan hệ giữa nạn nhân, bị hại với bị cáo
- Các hậu quả/thiệt hại về thể chất, tinh thần, kinh tế do hành vi phạm tội gây ra (có các minh chứng cụ thể)
- Yêu cầu xử lý nghiêm khắc hành vi vi phạm pháp luật theo đúng quy định của pháp luật
- Những tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ trách nhiệm hình sự
- Yêu cầu thực hiện trách nhiệm dân sự (nếu có)

2.3. Kỹ năng tham gia hoạt động tố tụng dân sự

2.3.1. Quy định về các nguyên tắc tố tụng dân sự có liên quan trực tiếp tới trợ giúp viên pháp lý

Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm TGPL cho các đối tượng theo quy định của pháp luật để họ thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước Tòa án (Khoản 3 Điều 9 Bộ luật TTDS năm 2015). Điều này được cụ thể hoá bằng các quy định như ghi nhận chức danh TGVPL là một trong những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (Cụ thể tại điều 75), thẩm phán có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện quyền yêu cầu TGPL (Điều 48). Những quy định này nhằm đảm bảo quyền con người, quyền bình đẳng trước pháp luật và quyền tiếp cận công lý của NKT.

2.3.2. Vai trò của TGVPL trong tố tụng dân sự

Vai trò	Nội dung
Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong TTDS	<p>Vai trò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải đáp ứng những điều kiện, tiêu chuẩn về trợ giúp viên pháp lý và quy trình cử người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật TGPL, cũng như đảm bảo theo quy định của pháp luật TTDS - Đương sự được TGPL phải là người được TGPL theo quy định của Luật TGPL

	<ul style="list-style-type: none"> - Loại trừ những vụ án dân sự liên quan tới kinh doanh, thương mại - Đương sự không phải trả thù lao <p><i>Điều kiện để làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có yêu cầu của đương sự - Được Tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự <p>Quyền và Nghĩa vụ của TGVPL: thể hiện ở 3 giai đoạn</p>
Quyền và nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý	
Quyền và nghĩa vụ chung	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình TTDS - Giúp đương sự về mặt pháp lý liên quan tới việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ - Tôn trọng toà án, chấp hành đúng nội quy phiên toà - Phải có mặt theo giấy triệu tập của toà án và chấp hành quyết định của toà án - Đề nghị Toà án đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng - Có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đương sự trong cùng một vụ án nếu quyền và lợi ích hợp pháp của những người đó không đối lập nhau - Tham gia một số phiên họp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, như: họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (Điều 208, 209 Bộ luật TTDS), phiên họp xem xét giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện (Điều 194); phiên họp phúc thẩm (Điều 314)...
Giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra lời tư vấn về tính khả thi của vấn đề, yêu cầu của đương sự muốn giải quyết tại toà án - Kiểm tra, đối chiếu dữ liệu, tài liệu mà đương sự cung cấp - Nghiên cứu, chuẩn bị các loại giấy tờ, hồ sơ cần thiết để tư vấn cho đương sự - Chuẩn bị đơn khởi kiện, hồ sơ khởi kiện
Giai đoạn trước khi mở phiên toà	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập chứng cứ: Trợ giúp viên pháp lý có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ; đề nghị sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án - Được thông báo về thời gian, địa điểm tiến hành hoà giải và tham gia hoà giải
Giai đoạn mở phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt đầu phiên toà: có quyền thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật

	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh tụng tại phiên toà: Trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để giúp đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; đưa ra câu hỏi với người khác về những nội dung liên quan đến vụ án; tranh luận tại phiên toà; đề nghị toà án tạm đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự
<p>Giai đoạn sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc phiên toà sơ thẩm + phúc thẩm: Được xem biên bản và có quyền yêu cầu sửa chữa, bổ sung biên bản cho đúng với những gì đã diễn ra tại phiên toà, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; giúp đương sự kháng cáo (nếu cần)

MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THỰC HÀNH TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Tình huống 1

Chị Nguyễn Thị Hoa là NKT phải ngồi xe lăn, kết hôn với anh Hoàng Ngọc Long năm 2000. Năm 2002, anh chị được bố mẹ cho căn nhà cấp 4 với diện tích 30m². Cùng năm đó chị Hoa mang thai và sinh được 01 cháu gái. Cuộc sống của hai anh chị từ đó khốn khó hơn. Năm 2006, anh Long có những biểu hiện thiếu chung thủy với chị Hoa. Cuộc sống của hai anh chị bắt đầu có những rạn nứt trong mối quan hệ vợ chồng. Tới đầu năm 2020, không chịu được sự quá quắt và sự thờ ơ của anh Long đối với mình và gia đình; hơn nữa, biết chồng đã có người đàn bà khác ở bên ngoài, chị Hoa quyết định yêu cầu li hôn và yêu cầu anh Long phải chia cho mình một nửa căn nhà mà anh chị đã được bố mẹ cho từ năm 2002. Anh Long không đồng ý vì cho rằng bản thân mình là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên mặc nhiên hiểu rằng căn nhà và diện tích đất đó thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình. Chị Hoa rất hoang mang. Chị tìm tới sự trợ giúp của cán bộ tư vấn pháp luật.

Anh/ chị là cán bộ trợ giúp pháp lý, anh / chị sẽ làm gì cho chị Hoa trong trường hợp này?

Tình huống 2:

Chị H-Ly và anh Y-Dũng kết hôn năm 2000. Hai anh chị chung sống tới nay và có 02 con chung. Anh chị sống trong căn nhà mà bố mẹ anh Dũng để lại cho anh Dũng. Trong quá trình chung sống, chị H-Ly có đóng góp vào quá trình tu sửa căn nhà. Sau thời gian dài chung sống, anh Y-Dũng thường xuyên uống rượu, bỏ bê công việc nương rẫy, khiến một mình chị H-Ly phải cáng đáng vừa việc nương, vừa việc chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn ngày một gia tăng, khi trong một lần say rượu, anh Y-Dũng đã đánh chị H-Ly phải nhập viện, kết quả chị bị gãy chân trái, phải đi tập thể dục. Không chịu đựng được cảnh sống như vậy, chị H-Ly đề nghị ly hôn. Anh Y-Dũng yêu cầu chị không được mang bất cứ tài sản nào theo vì anh cho rằng, khi cưới chị, chị không có bất cứ tài sản gì, vì vậy, bây giờ nếu ly hôn thì chị H-Ly cũng không được mang theo bất cứ tài sản gì, đặc biệt là Không có quyền gì đối với căn nhà mà hai vợ chồng anh chị đang chung sống.

Anh/ chị là người trợ giúp pháp lý, hãy trợ giúp chị H-Ly.

Tình huống 3

Anh Tuấn Anh là người khuyết tật tay, thuộc hộ nghèo. Cuộc sống hàng ngày của anh chỉ trông chờ vào việc bán hàng rong. Hôm đó, đang đẩy chiếc xe hàng trên đường, anh bị một chiếc ô tô 4 chỗ đâm vào, bản thân anh bị gãy chân còn chiếc xe đẩy hàng bị hỏng nặng. Người lái xe đã không một chút ngần ngại,

chạy tới chỗ anh dùng chân đạp vào bụng anh, tay thì đấm vào mặt anh và chửi anh. Sau đó người lái xe yêu cầu anh phải đền tiền sửa xe cho mình và dọa nếu sau 3 ngày mà không có tiền để đền cho hắn thì hắn sẽ cho giang hồ tới để xử lý anh Tuấn.

Anh Tuấn lo sợ nên đã tìm gặp trợ giúp viên pháp lý. Anh/ chị là trợ giúp viên pháp lý, anh/ chị sẽ hỗ trợ anh Tuấn như thế nào?

MỤC 5

NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN TGPL NGƯỜI KHUYẾT TẬT

* **Mục tiêu:**

- Hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của người thực hiện TGPL trong trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính
- Những việc nên làm, không nên làm khi thực hiện TGPL cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính

1. Vai trò, trách nhiệm của người thực hiện TGPL trong việc bảo vệ quyền của NKT có khó khăn về tài chính

1.1. Vai trò

- ✓ Về phía Nhà nước, hoạt động trợ giúp pháp lý giúp các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác giải quyết công việc một cách chính xác, khách quan, công bằng và đúng pháp luật; góp phần tích cực thực hiện cải cách tư pháp, mở rộng điều kiện thực hiện nguyên tắc tranh tụng, đảm bảo quyền tiếp cận công lý của những đối tượng yếu thế.
- ✓ Về phía xã hội, thông qua việc TGPL cho NKT có khó khăn về tài chính, sẽ giúp họ nâng cao nhận thức về pháp luật, từ đó họ có thể lựa chọn cho mình những cách ứng xử tuân thủ quy định của pháp luật, cũng như biết tìm kiếm sự hỗ trợ, bảo vệ quyền của bản thân, tạo dựng niềm tin vào pháp luật, ổn định xã hội.
- ✓ Về phía NKT có khó khăn về tài chính, trợ giúp pháp lý đồng hành cùng họ trong suốt quá trình giải quyết vụ việc, qua đó góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

1.2. Trách nhiệm của người thực hiện TGPL khi thực hiện TGPL cho NKT

- ✓ Đảm bảo sự trung thực, khách quan, liêm chính, tôn trọng sự thật khách quan: Người thực hiện TGPL phải trung thực, liêm chính, tôn trọng sự thật khách quan, giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, không lợi dụng hoạt động TGPL để trục lợi cho riêng mình hoặc cho cá nhân, tổ chức nào khác.
- ✓ Đảm bảo sự độc lập khi thực hiện trợ giúp pháp lý: Bảo đảm sự độc lập, không để lợi ích của mình, lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác ảnh hưởng đến việc thực hiện vụ việc, việc trợ giúp pháp lý; không để cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đe dọa, cản trở, hoặc can thiệp trái pháp luật vào quá trình thực hiện TGPL.

- ✓ Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý: Thực hiện với sự tận tâm, trách nhiệm, kịp thời áp dụng các biện pháp, kỹ năng cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.
- ✓ Bảo mật thông tin trong trợ giúp pháp lý: Giữ bí mật thông tin về vụ việc, việc TGPL, về người được TGPL mà mình biết trong quá trình thực hiện TGPL hay ngay cả khi đã kết thúc quá trình TGPL, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của người được TGPL hoặc luật có quy định khác.

Không sử dụng thông tin có được trong quá trình TGPL để gây bất lợi cho người được TGPL, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội.

- ✓ Ứng xử với người được TGPL: Thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện, nhiệt tình với người được TGPL, thể hiện phong cách chuyên nghiệp, tạo sự tin tưởng đối với người được TGPL; sử dụng ngôn ngữ, ký hiệu đơn giản, dễ hiểu, ngắn gọn phù hợp với người được TGPL.
 - Giải thích về quyền và nghĩa vụ của người được TGPL để người được TGPL biết và thực hiện.
 - Không có thái độ hách dịch, có các hành vi coi thường, kỳ thị, phân biệt đối xử với người được TGPL.
 - Không gây khó khăn, cản trở cho người được TGPL; không hứa hẹn trước về kết quả giải quyết vụ việc, việc trợ giúp pháp lý.
 - Không gợi ý, đòi hỏi, đặt điều kiện hay nhận bất kỳ lợi ích vật chất, lợi ích khác có liên quan tới vụ việc, việc TGPL từ người được TGPL hoặc người khác.
 - Không xúi giục, kích động người được TGPL thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội.

2. Những việc nên làm và không nên làm khi thực hiện TGPL cho NKT



NÊN LÀM	KHÔNG NÊN LÀM
CƠ BẢN	
<ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp thông tin đầy đủ cho khách hàng; • Trả lời những băn khoăn của khách hàng một cách hợp lý, rõ ràng; • Trả lời các cuộc điện thoại của khách hàng; • Đúng hẹn với khách hàng; khi có sự thay đổi thì phải thông tin cho khách hàng biết. • Thông báo với khách hàng tiến trình trợ giúp pháp lý (kể cả tiến trình trợ giúp tại toà án); thông báo với khách hàng người sẽ thay mặt đơn vị cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý đảm nhận vai trò là người bảo vệ quyền lợi cho khách hàng tại toà án • Tư vấn cho khách hàng các phương án xử lí (bao gồm khởi kiện hoặc không khởi kiện). • Khi nhận thấy quyền của khách hàng bị vi phạm, cần phải có những biện pháp kịp thời để bảo vệ quyền của khách 	<ul style="list-style-type: none"> • Thu bất cứ một khoản phí của người được trợ giúp pháp lý dưới bất cứ hình thức nào • Hứa hẹn về kết quả của trợ giúp pháp lý; làm sai lệch hồ sơ, giả mạo tài liệu • Trình bày sai sự thật, che giấu sự thật quan trọng đối với khách hàng/người được trợ giúp pháp lý với động cơ không trung thực • Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người được trợ giúp pháp lý để trục lợi cho bản thân; • Nhận tiền với bất cứ lí do/mục đích gì • Cố ý tạo điều kiện cho phép bất kỳ ai có hành vi gian lận, không trung thực hoặc thiếu hợp tác với khách hàng/người được trợ giúp pháp lý;

hàng.	
TRONG LĨNH VỰC HÌNH SỰ	
<ul style="list-style-type: none"> • Có mặt tại Toà án và những cơ quan liên quan đối với vụ án mà mình đang trợ giúp. • Trao đổi thông tin với bị can, bị cáo, người nhà bị can bị cáo • Trong trường hợp là đại diện cho nạn nhân của tội phạm tình dục, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, phải đảm bảo tên của nạn nhân không được tiết lộ ra bên ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng các phương pháp không công bằng, như cố gắng thuyết phục/đe dọa các nhân chứng • Có những lời lẽ xúc phạm nhân chứng là phụ nữ khi bào chữa cho bị cáo là nam giới
TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ	
<ul style="list-style-type: none"> • Phải hiểu và chuẩn bị tốt hồ sơ trước khi soạn đơn khởi kiện hoặc trước khi viết bản bào chữa để không bỏ sót nội dung cần cho quá trình trợ giúp • Phải tra cứu các luật có liên quan trước khi soạn thảo đơn khởi kiện hoặc văn bản trình bày vụ việc theo đúng luật 	
TRONG LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT	
<ul style="list-style-type: none"> • Giúp họ giải toả những vướng mắc về mặt tâm lý, để họ thấy rằng pháp luật chỉ bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mọi người • Trường hợp đã tư vấn xong, người thực hiện TGPL cần phải giữ liên hệ thường xuyên với đối tượng để tạo dựng mối quan hệ thân thiện, tạo dựng niềm tin của người được TGPL đối với người tư vấn và tổ chức thực hiện TGPL 	<p>Không được giúp đối tượng thực hiện những hành vi trái pháp luật để giảm bớt trách nhiệm của họ</p>

CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ - BỘ TƯ PHÁP

58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (+84)24.37334309 - (+84)24.3.7339583
Email: ctgpl@moj.gov.vn
Website: www.tgpl.moj.gov.vn